

QUAN HOÀNG PHÁP CỦA GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC



# LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 5 — THÁNG NĂM NĂM CANH-TÝ

# LIÊN - HOA

## Nguyệt - San

Số V năm thứ VI

Rằm tháng 5 năm Canh-Tý (8-6-1960)

### TRONG SỐ NÀY:

<b>Bài học Chơn-thành</b>	<i>Liên-Hoa</i>
<b>Tìm hiểu phái ZEN ở Nhật</b>	<i>Thích Thiên-Ẩn</i>
<b>Lòng thương</b>	<i>Tần-Nguyên</i>
<b>Diễn - từ</b>	<i>B. T. C. P. D. T. Q.</i>
<b>Bài giảng</b>	<i>B. T. C. P. D. T. Q.</i>
<b>Phật-giáo phát-triển tại Thụy-Điền</b>	<i>Quốc-Anh dịch</i>
<b>Thư gửi bạn</b>	<i>Nguyễn-Thái</i>
<b>Văn Cư tự Cô Đòng (Thơ)</b>	<i>Bạch-Cư-Dị</i>
<b>Một đoạn đường</b>	<i>Dương-Trừng-Giang</i>
<b>Đạo-Phật với hạnh-phúc loài người</b>	<i>Hoài-Mai</i>
<b>Sinh - hoạt của S. V. P. G. T. Nông - Lâm - Mục</b>	<i>Nguyễn-Mân</i>
<b>Đàn Sao Lạp (Thơ)</b>	<i>Thạch Trung-Giả</i>
<b>Những ngã đường.</b>	<i>Võ-dình Cường</i>
<b>Cần hiểu đúng đắn ý-nghĩa gia-đình Phật-tử.</b>	<i>Hùng-Khanh</i>
<b>Bức thư của Hòa-Thượng Hội-trưởng P.G.T.P.</b>	
<b>Tin tức.</b>	

Bìa do PHẠM-ĐĂNG-TRÍ trình bày

Sài-gòn, ngày 25 tháng 5 năm 1960

Kính gửi các Ban Hướng dẫn và toàn thể các em Thiếu-niên Trung-phần, Nam-phần và Bắc-phần tại miền Nam.

Tôi trân trọng báo tin đề toàn thể anh chị em huynh-trưởng được biết là trại hè «VAN - HANH» của ngành thiếu chúng ta bị trở ngại bất ngờ, nên mặc dầu mọi sự chuẩn bị đã xem như xong xuôi vẫn không thể thực-hiện được! Vậy quý Ban Hướng-dẫn báo tin kịp thời cho các tỉnh được biết.

Việc xảy ra bất ngờ đó hoàn toàn không phải vì sự thiếu thiện chí của chúng ta. Tôi tin rằng tất cả anh chị em trong Toàn-Quốc đều thông-cảm vấn đề này, Tuy nhiên, sự đồ vỡ này, có thể đem lại một ít chán nản và hiểu lầm cho các em mà một số người vô trách-nhiệm sẵn sàng xuyên tạc đề ly gián nội bộ của Gia-đình! Vì vậy, theo tinh-thần cuộc hội-ý với các huynh-trưởng ở Saigon thì: Thay vì không tổ-chức được một trại hè tập trung thì chúng ta có thể tổ-chức trại hè VAN-HANH ra từng phân hoặc liên tỉnh, ngày và địa-điểm thì tùy theo sự thuận-tiện ở địa-phương mình. Các huynh-trưởng cố-gắng phân phối đi giải thích cho các em để tránh hoang mang và nuôi dưỡng tinh-thần của Gia-đình chờ một cơ hội khác. Điều đáng lưu ý là tất cả chúng ta cần ý thức được rằng: Sự trở ngại đôi khi là một phương tiện tốt nhất cho sự đào luyện chí khí mình và nuôi dưỡng tinh thần cầu tiến. Tôi kính gửi lời cảm tạ tất cả anh chị em đã khờ nhọc nhiều cho trại hè này.

Tất cả chúng ta đứng mãnh tinh tấn hơn lên để bảo vệ Gia-đình.

Ủy-Viên T.N. Phật-Tử toàn-quốc  
Thích Thiện-Minh

# BÀI HỌC CHỜ THÀNH

LIÊN - HOA

**T**HÊM một lần nữa, chúng ta vui mừng nhận thấy sự chuyển mình mạnh mẽ, sự vươn dậy oai hùng của Phật-giáo nước nhà trong dịp lễ khánh đản mừng 8 tháng 4 vừa qua. Sự chuyển mình, vươn dậy ấy mỗi năm mỗi thể hiện, trong ngày 8/4 nhưng không năm nào rõ-rệt bằng năm nay. Ở Trung-Việt và Cao-Nguyên Trung-Phần, đối với ngày khánh đản, đã thành tục-lệ, đã có cái nếp sẵn cho nên sự tổ-chức lễ này không có gì mới lạ, ngoài sự tham-gia mỗi ngày mỗi đông đảo và trong vòng trật-tự của các công và tư sở, và của đồng bào.

Đáng chú ý nhất là ở Nam-Phần và nhất là ở Thủ-Đô Saigon. Những nhà quan sát khách quan không thể không kinh ngạc khi nhận thấy vào khoảng 7 giờ sáng 8-4 tại công trường Mê-ling trên 100 ngàn Phật-tử đủ các tôn-phái, các giai-tầng, các giống người: Việt, Mên, Ấn-độ, Trung-hoa, Nhật-bản... đã tề-tụ trong sự tín thành đề cùng nhau chung hòa niềm tin-trưởng đối với Vị Cha Lành đã đem lại nguồn an-lạc và giải-thoát cho nhân loại. Và cũng cái giờng người đông đảo của 22 đoàn thể tin Phật ấy đã kính cẩn rước Phật điển-hành, trong trật tự và diêm-tĩnh, qua các đường lớn của Thủ-đô trước hàng triệu con mắt ngạc nhiên và thần phục của khán giả đứng tề-tụ chật ních ở hai bên đường. Song song với sự tham-dự đông đảo của tín-dồ đạo Từ-Bi, là sự đồng thanh của toàn thể các nhật-báo thủ-đô nói về ngày Phật-đản. Trên các sạp báo, những cái đề lớn nhất và các tranh ảnh đều dành chỗ cho ngày mừng 8/4; những bài xã thuyết của báo hàng ngày, cũng như những bài nghiên cứu của các tạp-chí đều nói về giáo-lý của Đạo Phật.

Những người chưa nhận rõ được cái tiềm lực hùng-hậu của Phật-giáo Việt-Nam đều lấy làm ngạc nhiên trước

hiện-tượng ấy, và cho rằng đó là một sự bộc phát có tính cách bất thường. Thật ra không có gì là bất thường cả. Mọi hiện tượng đều có nguyên nhân. Giới Phật-tử Việt-Nam, từ xưa đến nay vẫn là thành phần đông đảo nhất trong nước. Nhưng công việc chính của họ là tu học trong thanh tịnh xa lánh sự phô-trương, nên, trong lúc các tồ chức khác ở ngoài đời đi về bề mặt, thì giới Phật-tử đi về bề sâu. Họ cần cù hoạt-động, như những bầy ong gầy mật, như những bầy én xây tổ. Và do sự cần mẫn, chân-thành, nhẫn nhục, một sáng mai nào đó, khách bàng-quan bỗng ngạc-nhiên nhận thấy những tồ ong đờ sộ, đầy ứ mật, những quần đảo nhan nhản đầy dẫy những tồ én. Đây không phải là những trái thơm cột vào gốc, những buồng chuối cột vào thân, mà là sự thật hiển-nhiên, đứng sừng sững giữa thanh thiên bạch nhật, bất chấp tất cả những sự dèm-pha, đổ-kỵ. Sự chân thành của giới Phật-tử đối với tôn-giáo của mình là một đảm bảo chắc-chắn nhất đề đượng đầu với bao nhiêu phong vũ của thời-đại. Bạo-lực không làm cho họ sờn lòng, hư danh không làm cho họ nhụt chí, tiền của không làm cho họ mất lương-tâm. Họ điềm tĩnh đi con đường của họ, và không một lực lượng, một tà ý nào có thể lái họ sang một ngã khác.

Từ trước đến nay, trên sân khấu Việt-Nam, bao nhiêu tấn tuồng đã tiếp diễn, bao nhiêu phong trào đã hùng hổ tiến lên đề rồi sụp xuống, không đề lại một vang bóng nào. Nhưng giới Phật-tử, chân thành với sứ mệnh của mình, vẫn bình tĩnh tiến theo con đường sáng Từ-Bi và Trí-Tuệ mà đức Bôn-sur đã vạch sẵn, và âm thầm, cần-cù xây dựng cho mình và người cái hạnh phúc chắc thật mà mọi người đều mong ước. Ngoài ra, tất cả đều là phù phiếm, không đáng bận tâm đến.

Chân thành tin tưởng ở lời Phật dạy, chân thành hoạt-động đúng theo những lời Phật dạy, không giả dối với mình và người, không nông-nổi chạy theo cái hào nhoáng nhất thời, đó là tất cả nguyên nhân làm cho giới Phật-tử mỗi ngày mỗi đông đảo, lớn mạnh và được cảm-tình nồng hậu của quảng đại quần chúng Việt-Nam.

## II.- Phương pháp thực hành

của ZEN

Kẻ trí người ngu không luận đến,  
Song hèn quý tiện cùng dung thông,  
Thuyền-định một cách chuyên nhất niệm,  
Chánh-đạo tỏ vàng cõi thế-nhôn.

(Phồ-khuyễn-tọa-thuyền-nghi.)

**G**ẦN đây, Ông Sorokin giáo-sư trường Đại-học Harvard ở Mỹ-quốc, có đề-xướng một luận-văn đầu đề là: Chủ-nghĩa lợi-tha sáng-tạo (Creative Altruism). Ông là một nhà Xã-hội-học tiến-bộ, lại cũng là người tôn-thờ Chủ-nghĩa vị-nhân, vì thế luận-văn này rất được các giới học-giả Đông Tây chú ý đến. Trong luận-văn này Ông có đề-cập đến vấn-đề Zen và Du-già (Yoga). Đoạn về Zen Ông nêu rõ sự quan-hệ mật-thiết giữa Zen và Chủ-nghĩa lợi-tha; phương-pháp thực-hành Zen, tọa-thuyền v.v. cũng được Ông đề-cập đến một cách rõ ràng tỷ-mỷ.

Dựa vào tài-liệu ấy chúng ta thấy: Zen là một phương-pháp thực-hành dựa vào tinh-thần vị-tha, chủ-trương chứng-nhập chân-lý. Thật vậy, bất cứ một chân-lý nào cũng thế, nếu không hòa mình vào chân-lý thì chân-lý ấy không phải của mình. Nhất là tôn-giáo, vấn đề thể-nghiệm là một vấn-đề cần-thiết. Thể-nghiệm ở đây là đi sâu, thực-nghiệm, thể-nhập và chứng-đắc chân-lý mình đang muốn sống. Trong phái Zen, phương-pháp thể-nghiệm Zen là phương-pháp tọa-thuyền. Nói một cách khác, tọa-thuyền là phương-pháp thực-hành duy-nhất, cũng là yếu tố căn-bản làm cho thân tâm

thể-nghiệm vào bản-thể, hòa-hợp vào chân-lý, cho nên nếu không tọa thiền thì không thể nói là Zen.

Phương-pháp tọa-thiền có thể thực-hành trong mọi hoàn-cảnh. Bất cứ ở núi sâu rừng rậm, hay ở chốn phồn-hoa đô-thị, tất cả đều có thể thực-hành Zen. Tuy vậy, với những người sơ-tâm, cần có hoàn-cảnh thuận-lợi mới có thể thu hoạch được nhiều kết-quả tốt-đẹp. Những người sơ-tâm rất dễ bị hoàn-cảnh chi-phối nên càng tu-hành tập-luyện ở chỗ thanh vắng chừng nào càng hay chừng ấy. Ngoài ra, cũng cần có một căn phòng thật thanh-tĩnh để dành riêng cho khi tọa-thiền. Hoàn-cảnh thanh.vắng, phòng tọa-thiền yên-tĩnh thì tâm-hồn cũng được sáng-suốt thanh-tĩnh theo. Vì lẽ đó nên ở Nhật-Bản các Chùa thuộc về phái Zen phần nhiều đều xây-dựng ở những nơi núi non thanh-tĩnh. Chùa ở đây có nghĩa là đạo-tràng để tu-tập về Zen vậy.

Nói thế không có nghĩa muốn thực-hành Zen cần phải đến chùa. Người ta có thể tu-hành Zen ở trong gia-đình, ở những nơi thành-phố đông hội. Chỉ cần chú ý đến việc : phải tạo hoàn-cảnh thanh-tĩnh để thực-hành Zen mà thôi.

Về phương-pháp thực-hành Zen, trong luận «Ma-ha chỉ-quán» của Ngài Trí-Khải, trong luận «Thanh-tĩnh-đạo» của tạng Pali đều có trình-bày rõ-ràng. Ví dụ: trong Ma-ha chỉ-quán» và «Tiểu-chỉ-quán» thì dạy về 25 phương-tiện, 10 quán-pháp; trong luận «Thanh-tĩnh-đạo» thì đề-cập đến 10 biến-xứ v.v... Các phương-pháp này đều nhắm đến mục-dịch : tạo hoàn-cảnh thanh-tĩnh để thân tâm thanh-tĩnh mà an-nhập vào cảnh chánh-định. Ngoài những phương-pháp trong các kinh luận này, phái Zen ở Nhật-bản trong khi tọa-thiền thường ứng-dụng theo những phương-pháp, đã được nêu rõ trong bộ «Phổ-khuyến tọa-thiền-nghi» của ngài Đạo-Nguyên Thiền-sư, bộ «Tọa-thiền-dụng-tâm-ký» của Ngài Oanh-son Thiền-sư v.v...

Ở đây, một điều chúng ta cần nhớ rõ: Tọa-thuyền không phải là phương-pháp tu-hành khổ-hạnh. Vì thế những sự chuyên-cần quá độ, hay ép xác chịu-dựng kham-khổ nhất thời sẽ trở thành vô-hiệu. Phương-pháp tu-thuyền cần phải được thực-hành thường-xuyên vĩnh-tục, nên sự điều-hòa tiết-độ là một vấn-đề rất cần-thiết. Ăn uống quá độ đem sự trầm-trọng mệt-mỏi cho thân tâm, khó lòng tọa-thuyền được. Nhưng nếu ăn uống quá thiếu-thốn kham-khổ, cũng rất phương-hại cho thân-thể. Vì thế trong bộ «Tọa-thuyền-dụng-tâm-ký» viết: «ăn thiếu, mặc thiếu, ngủ thiếu, gọi là Tam-bất-túc. Trong khi thực-hành theo phương-pháp này cần đề ý đến nguyên-nhân thối-đọa của nó». Thật thế, ví dụ như ở một xứ lạnh mà áo mặt không đủ thì khí lạnh sẽ đến chi-phối thân tâm, không thể tọa-thuyền được, đó là chưa kể đến các bệnh-tật do cảm-hàng mà ra. Ngủ cũng vậy, nếu ngủ quá thiếu thì bệnh ngủ gục sẽ đến trong khi tọa-thuyền, làm sao thuyền-quán được? Vì vậy, đối với vấn-đề ăn mặc ngủ, không nên quá đầy đủ, cũng không thể quá bất-túc. Sự điều-hòa tiết-độ, hay nói «trung-đạo» theo thuật-ngữ Phật-giáo là một điều rất cần-thiết trong khi thực-hành Zen, cũng như khi tọa-thuyền vậy.

Riêng về lúc tọa-thuyền, điều cần nhất là phải quên mọi việc trong thế-gian. Tư-tưởng so-sánh, ý-chí cạnh-tranh cũng cần phải bỏ. Vì những tư-tưởng ý-chí này sẽ làm cho tâm bị loạn động, không thể thuyền-quán được. Trong bộ «Phổ-khuyến-tọa-thuyền-nghi» viết «Phóng xả các duyên, quên dứt vạn sự, không nghĩ thiện ác, xa lìa thị phi.» Nghĩa là bên ngoài thì không rong ruổi phan-duyên theo vọng-trần, bên trong thì gạt bỏ các tâm niệm tư-duy suy-nghĩ phân-biệt thiện ác thị phi v.v. Đó là yếu-tố căn-bản trong khi tọa-thuyền, hành-giả không thể bỏ qua được.

Sau khi cả trong lẫn ngoài đều được chuẩn-bị, không còn gì chướng-ngại cản-ngăn nữa thì bắt đầu phương-pháp thực-



tu, tức là tọa thuyền. Thông thường ở chỗ tọa thuyền thường trải một tọa-cụ 4 góc (tiếng Nhật gọi là tọa-nhục); trên tọa-cụ ấy lại chõng thêm một tọa-phu (tiếng Nhật gọi là bồ-đoàn) làm bằng vải bông tròn và cao để ngồi. Nhưng ngày nay ngoài những vị Tăng-già cao-đức, tất cả đều chỉ dùng tọa-phu mà thôi. Ngày xưa, các vị Thuyền-sur mỗi khi tọa thuyền sở dĩ dùng cả 2 thứ tọa-cụ và tọa-phu này là để cho chân và bàn thối (đít ngồi) khỏi bị đau nhứt tê-bại vậy.

Cách ngồi trong khi tọa thuyền có 2: kiết-già phu-tọa và bán-già phu-tọa. Kiết-già phu-tọa là cách ngồi 2 chân chéo lại và chõng trên nhau; cách ngồi này thường được các kinh-diễn nguyên-thỉ đề-cập đến. Ngoài ra, trong «Luật-bộ Tiểu phẩm» (Cullavagga) viết: «Các vị Tỳ-kheo-ny được ngồi theo kiểu bán-già phu-tọa», tức là cách ngồi chỉ chéo một chân mà thôi

Về kiết-già phu-tọa luận «Bà-Sa» viết: «Hai bàn chân chéo lên nhau, hai bắp vế sát xuống dưới, đoạn tọa tư-duy, gọi là kiết-già phu-tọa». Ngài Hiếp-tôn-giả nói: «Hai chân chõng lên nhau, tả hữu dính chéo nhau, quan-sát cảnh-giới chân-chánh, gọi là kiết-già tọa». Ở chỗ khác, một vị Tổ-sur lại nói: «Ngồi theo với cách ngồi cát-tường tọa của các vị Thánh-hiền, gọi là kiết-già tọa» Ngoài ra, cũng không có kinh luận nguyên-thỉ nào giải-thích rõ-ràng hơn, thế nào là kiết-già phu-tọa thế nào là bán-già phu-tọa.

Mãi đến về sau, khi Thuyền-tôn được truyền qua Trung-Hoa, nhất là từ ngày Ngài Phật-Đà-Ba-Lợi (Buddhapali) từ Ấn-Độ đến Trung-Hoa vào năm Nghi-Phụng nguyên-niên (tức là năm 676 Dương-lịch), cách ngồi Thuyền mới được quy-định rõ-ràng. Trong tập «Tu thuyền yếu quyết» Ngài Phật-Đà-Ba-Lợi giải-thích như sau: «Ở Bắc-Ấn-Độ, kiết-già phu-tọa tức là cách ngồi chân tả chõng lên chân hữu, và chân hữu chéo lên trên chân tả. Còn bán-già phu-tọa là cách ngồi chân hữu chõng lên trên chân tả».

Cách giải-thích trong cuốn « Tu thuyền yếu-quyết » trên đây, hoàn toàn ngược lại với thuyết của hai ngài Tri-Khải trong « Thiên-tai chỉ-quán » và ngài Pháp-Tạng trong « Hoa-Nghiêm ». Đại diện cho thuyết sau này là bộ « Thuyền-uyên thanh-quy » gồm có 10 quyển do ngài Trường-Lô Tôn-Tịch biên-soạn vào năm Sùng-Ninh thứ 2 (1103) của thời Nam-Tống. Trong bộ sách này ở cuốn thứ 8 có nói rõ về cách ngồi và phương-pháp tọa-thuyền. Về sau ngài Đạo-Nguyên thuyền-sư, tóm thâu các tư-tưởng, phương-pháp trong bộ sách này, và biên-soạn thành tập « Phổ-khuyến-tọa-thuyền-nghi. » Trong đây giải thích như sau : « Kiết già phu-tọa là cách ngồi chông chân hữu lên chân tả và téo chân tả lên trên chân hữu. Còn bán-già phu-tọa là cách ngồi lấy chân tả chông lên chân hữu. » Phương-pháp này được phái Zen ở Nhật-Bản hoàn toàn ứng-dụng theo trong khi tọa thuyền.

Sau khi an tọa xong, người hành-giả cần đề ý việc nói rộng các chỗ bế-tắc, sửa áo xiêm cho chỉnh-tề. Rồi tay trái đề lên đùi chân phải, tay phải chông trên lòng bàn tay trái và hai ngón tay cái chấu đầu sát nhau. Cần nhất là phải, chánh-thân doan tọa, không nghiêng tả ngã hữu, không cúi trước ngửa sau. Tai và vai phải ngay thẳng, mũi và rún phải đối chiếu nhau, Lưỡi để tự nhiên, không cong lên, không uốn xuống; răng môi kề sát nhau mà phải ngậm miệng lại.

Điều quan-trọng ở đây là phải mở mắt ra, vì nếu nhắm lại thường hay bị mê hôn-trầm, thụ-miên, hoặc vọng-tưởng dấy động. Hơi thở phải giữ cho điều hòa thông-thả, không được quá gấp mà cũng không được quá chậm. Rồi một lần nữa, sửa lại thân tướng cho doan-nghiêm, phóng xả các chỗ bế-tắc, đến khi không còn chướng-ngại nữa mới dần dần đi sâu vào việc tọa thuyền. Đây tức là phương-pháp điều chỉnh thân tâm trước khi nhập-thuyền-quán của phái Zen ở Nhật vậy.

Nhưng trong khi tọa thiền, phái Zen ở Nhật làm những gì? nghĩ những gì? — Để giải-thích cho câu hỏi này, trong tập « Phổ-khuyến-tọa-thiền-nghi » viết: « Tu-lượng những gì bất tu-lượng (1); bất tu-lượng mà vẫn tu-lượng. Tu-lượng đến chỗ phi-tu-lượng (2) đây tức là yếu thuật của phương-pháp tọa-thiền » Đại-ý của đoạn văn này là nói: diệt trừ những quan-niệm tu-lượng bởi vọng-tình mê-hoặc, gọi là bất-tu-lượng, thoát-ly ra ngoài sự phân-biệt đối-đãi tu-lượng và bất tu-lượng, gọi là phi-tu-lượng. Tuy thế, nhưng tu-lượng, bất-tu-lượng và phi-tu-lượng không phải hoàn-toàn khác biệt, chỉ có sào cạn rộng hẹp khác nhau mà thôi. Một khi đã đến chỗ phi-tu-lượng, nghĩa là vượt ra ngoài vòng nhị-nguyên đối-đãi: tu-lượng và bất-tu-lượng thì mê-tình vọng-niệm của tâm-ý-thức bị trừ-diệt. Mê-tình vọng-niệm trừ-diệt thì quan-niệm tu-lượng phân-biệt: tâm, Phật, chúng sanh không còn. Đây tức là chỗ đạt-ngộ của phái Zen vậy.

Nhưng tại sao cần phải áp-dụng theo phương-pháp tọa thiền ấy? — Trong « Thập-nhi-đầu-đà-kinh » có giải-thích lý-do này như sau: « Trong 4 oai-nghi (3) hằng ngày, ngồi được xem là quan-trọng nhất trong phương-pháp tu-hành. Ăn uống những vật dễ tiêu-hóa, giữ-gìn hơi thở cho điều-hòa. Đại-sự cầu đạo chưa thành-tựu, giặc phiền-não thường dấy động cướp mất các công-đức tri-huệ. Đi đứng tâm động khó trừ, nằm hôn-trầm dễ khởi. Vì thế cần phải thực-hành theo phương-pháp thường tọa ».

Về phương-pháp tọa-thiền, trong luận « Bà-Sa » quyển thứ 39 có viết như sau: « 1) Thực hành theo các oai-nghi của Thánh-hiền. 2) Chọn điều hay trong các oai-nghi ấy mà

(1) Tu-lượng những gì bất-tu-lượng (think the not-thought), nghĩa là suy-ngĩ những vấn-đề không thể suy-ngĩ.

(2) Phi-tu-lượng (nonthinking) tức là loại-trừ tâm-niệm phân-biệt suy-ngĩ và không suy-ngĩ.

(3) 4 Oai-nghi là những cử-động đi, đứng, nằm, ngồi hằng ngày.

tu-tập. (4) 3) Không theo những oai-nghi không có lợi-ích cho sự tu-hành. 4) việc làm ấy là chánh-pháp hướng dẫn nhân-gian. 5) oai nghi ấy làm cho nhân gian sinh lòng kính-tin. 6) Chỉ có oai-nghi ấy mới chứng được Phật-quả vô-thượng. 7) Sống đúng theo oai-nghi ấy ma-quán phiền-não đều khiếp-sợ. 8) Phương pháp ấy ở ngoại-đạo không có. 9) Đó là phương-pháp tu-tập thuyền-định theo kiểu kiết-già phu-tọa của Phật-giáo. »

Trong luận « Đại-Tri-độ » quyển thứ 7 cũng có chép : « Trong các cách ngồi, phương-pháp kiết-già phu-tọa rất an-đôn, vững chắc và ít mệt nhọc. Đó là cách ngồi của người tu thuyền, Tay chân nhiếp-tri, tâm cũng không tán-loạn, Ngồi là món an-đôn nhất trong 4 oai-nghi cử-dộng hằng ngày. Tọa-thuyền là cách ngồi dễ được đạo. Ma-vương thấy cách ngồi ấy đều sinh tâm lo sợ. Đây là cách ngồi của người xuất-gia. Ngồi kiết-già phu-tọa dưới gốc cây, mọi người trông thấy đều sinh lòng hoan-hỷ. Người Đạo-sĩ ấy quyết-định sẽ đắc-đạo. »

Để khuyên các giới Phật-tử nên ngồi thuyền theo kiểu kiết-già phu-tọa, trong luận « Du-già sư-địa » quyển thứ 30 chép : « 1) Thân nhiếp-tri, tâm được khinh-an. 2) Có thể ngồi lâu không nhọc mệt. 3) Ngoài Phật-giáo không có cách ngồi này. 4) Hình-tượng đơan-nghiêm ngay-thẳng. 5) Các Phật-tử nên ngồi theo cách ngồi này. »

Và trong luận « Thành-thật » quyển thứ 12, luận « Cư-xá » quyển thứ 28 cũng có nêu lên các kết-quả tốt đẹp của thuyền-định như sau : « 1) Hiện-thể được an-trú vào pháp-lạc. 2) Được tri-kiến tối-thắng. 3) Được tri-huệ phân-biệt biện-tài. 4) Diệt-trừ tận nguồn gốc các phiền-não, ma-chướng v. v. . . » Như trên là nói đến công-đức thù-thắng của Zen vậy,

4) Điều hay ở đây là chỉ cho phương-pháp ngồi ; vì đi đứng thân thể chóng mệt nằm dễ bị hôn-trầm, thuy-miền.

Đến đây, có một điều quan-trọng cần nhớ là: Tọa-thuyền không phải là phương-pháp để phục-vụ tính-chất vị-kỷ, không phải vì an-lạc cá-nhân mà tu-hành. Phương-pháp tọa-thuyền của Đại-thừa Phật-giáo là vị nhân-sanh. Trong khi tọa-thuyền mà không quên chúng sanh, không bỏ chúng sanh; đến các loài côn-trùng vi-tế cũng thường khởi niệm Từ-bi, thể nguyện bình-dẳng cứu độ cho tất cả. Vì thế nên tất cả công đức tọa-thuyền, người hành-giả thường hồi-hướng cho tất cả chúng sanh. Cũng vì vậy nên trong luận văn của giáo-sư Sorokin, ông đã đề cập đến vấn-đề « Zen với chủ nghĩa vị-tha. »

Tóm lại, phương-pháp Tọa-thuyền như đã trình bày trên là phương-pháp hợp với tổ đạo, được truyền-thừa từ đời này qua đời khác trong lịch sử Phật-giáo. Cổ nhân đã nói: Có một người hiền xuất hiện trong quốc-gia thì quốc-gia ấy được hưng-thạnh. Ở đây chúng ta cũng có thể nói rằng: Có một người phát tâm tu-tập thiền định thì có người giúp vật cứu đời. Đây là chân-lý và cũng là chuẩn-đích lợi tha trong phương-pháp thực-hành Zen ở Nhật vậy.

*(Kỳ sau thuyết lý của Zen)*

«... Chơn thành tin tưởng ở lời Phật dạy, chơn thành hoạt động đúng theo lời Phật dạy, không giả dối với mình và người, không nóng nôi chạy theo cái hào nhoáng nhất thời, đó là tất cả nguyên nhân làm cho giới Phật-tử mỗi ngày mỗi đông, lớn mạnh và được cảm-tình nồng-hậu của quảng-đại quần-chúng Việt-Nam...»

# LÒNG THƯƠNG

CHUYỆN NGẮN CỦA TÀN - XUYẾN

**S**ƠN nằm nghiêng, bất động trên chiếc bàn đá đặt trong gian phòng rộng và vắng vẻ. Qua màn lệ còn đọng trên hai hàng mi và qua lớp cửa kính mờ nước, cậu bé nhìn ra ngoài: một bầu trời nhòa nước mịt, mờ mịt thiều não như những ngày mưa dầm về Đông — tuy rằng chỉ mới trở tiết trong chốc lát.

Sơn nức lên một tiếng ròi khóc tẩm tức. Hơi ấm của chiếc bàn thấm lạnh vào mình cậu, làm má cậu tê buốt. Một cách máy móc Sơn gối chiếc má lên bàn tay bé nhỏ để sưởi ấm, mắt vẫn lơ đãng nhìn mưa rơi qua màn lệ... Căn phòng mỗi lúc càng vắng lặng và tê tái trong khi ngoài kia mưa thêm tầm tã gõ nhanh vào cửa kính như thúc giục Sơn: «kia! Sao cậu chưa đóng thuyền? Những rãnh nước đang chảy mạnh, và gió đang lên!...» Gió lại tò mò hơn, rủ nhau lách mình qua khe cửa, đến thì thảo bèn tai Sơn để hỏi thăm cậu bé có điều gì phiền muộn,

Sơn vừa bị cha cậu vụt cho một trận đòn nên thân vì tội không vâng lời. Sau buổi cơm trưa, ông chú ý đến bộ quần áo lấm đầy đất sét của Sơn và biết rằng cậu bé đã quyết nặn cho kỳ được chiếc ấm trong giờ thủ công mặc dầu ông không cho phép. Ông cấm là phải, vì tay chân của Sơn rất vụng về. Cậu bé đã lấm hết ba bộ áo quần trong ba ngày nhưng vẫn nặn không xong chiếc ấm đất nhỏ, làm cho mẹ cậu cứ phải nổi sân si mỗi lần giặt, bóng cả tay mà vết đất sét vẫn còn nguyên. Cha liền cấm không cho Sơn

nặng ấm nữa, và viết một mảnh thư bảo Sơn đưa cho thầy giáo :

*« Kính ông Thanh,*

*« Thằng Sơn nhà tôi nó nặng đất sét bần cả áo quần mà vẫn không ra cái gì. Vậy xin ông miễn cho nó món thủ công ấy mà chỉ cho nó tập vẽ thôi.*

*Chào ông »*

Sơn giữ mảnh giấy, không dám đưa ra trong giờ chấm thủ công chỉ bằng lòng đưa cho thầy giáo « chấm » một cục đất sét chưa có hình thù rõ rệt mà cậu đã nặn vội vàng sau hè nhà trước giờ đi học. Thầy giáo cười ngất và cho cậu số không. Cậu đỏ mặt, nhưng sau đó vẫn cảm thấy nhẹ nhàng; thỏa mãn hơn là trao mảnh giấy của cha. Cậu muốn người ta xem cậu như tất cả học sinh khác trong lớp, mặc dầu chưa đủ tuổi để nhập học thực thụ. Cái « đặc ân » theo như ý của cha, đối với Sơn chỉ là một sự thua kém đáng xấu hổ còn hơn là không điếm.

Nhưng sau trận đòn của cha, Sơn bỗng trở nên hoang mang. Trước kia Sơn vẫn tưởng rằng cái gì « tốt » đối với cậu cũng « tốt » đối với tất cả mọi người. Thế thì tại sao hôm nay Sơn lại bị đòn trong lúc đang thỏa mãn về việc làm của mình ? Sơn cảm thấy bị ghét bỏ và bơ vơ hơn bao giờ hết,

Mưa vẫn rả rách bên ngoài Sơn nhớ đến U Tám đã bỏ về thừa lúc Sơn đi học, đáng giận làm sao. Có U, những lúc Sơn buồn như hôm nay tất U sẽ ran cho Sơn những chén bắp nóng hổi và rồi bao nhiêu phiền muộn đều tiêu tan. Thật là một phương thuốc trị tâm bệnh rất thần hiệu. Sơn tần ngần nhớ đến những ngày sống có U, đã lâu lắm rồi Sơn không nhớ hết, nhưng hình như mùa Đông nào cũng có U ở bên Sơn và chỉ có U là của riêng Sơn. Sơn không hề

đặt câu hỏi vì sao lại có sự tình cờ ấy, U của Sơn hay là Sơn của U? Cái liên lạc giữa U và Sơn, Sơn cũng thấy mong manh quá, nhất là những lúc U bỏ Sơn về quê, Sơn thấy mình thiếu thốn, lẻ loi, nhưng vẫn mang máng hiểu rằng U không thể ở bên Sơn mãi. Nghĩ đến đây Sơn tủi hổ, nhưng cậu không khóc lên thành tiếng như trước nữa, nước mắt cậu chảy ra đầy đôi mắt ráo hoảnh từ nãy vì mãi suy nghĩ, và chảy xuống thái dương. Sau một hồi khóc không ra tiếng, Sơn lại nằm yên. Má cậu nóng bừng như khi ngồi bên lửa, bàn tay nãy giờ bị kê gọn ở dưới tè cứng đi. Sơn lấy tay ra nhìn lại: tay cậu bị đổ một khoảng và toàn cả bàn tay bị một cảm giác thật khó chịu. Sần mối bực tức trong lòng, Sơn đặt mạnh tay xuống và dùng tay kia đánh lên như đánh một trong những kẻ thù đã làm cậu khổ sở. Tự nhiên, Sơn thấy lòng cậu dịu lại thực. Cậu lơ đãng nhìn qua cửa kính, và tiếp tục suy nghĩ miên man. Làn mưa đã thưa dần và cảnh vật lại hiện ra trước mắt Sơn rõ ràng hơn trước: Cây sứ vàng thưa cành đứng im lìm và vẫn có vẻ đồ sộ, mấy cây sấu dòng thiếu não rủ xuống dưới làn mưa và xa hơn nữa, hồ sen của một ngôi chùa gần đấy đã nhắc cho Sơn nghĩ đến một thời «oanh liệt» của mình. Sơn làm sao khỏi tự hào khi nghĩ đến một mùa hè dài đằng đằng mà cậu là chúa tể của trần gian! Trần gian của Sơn gồm có mùa hè mà cậu được toàn quyền xử dụng, hồ sen, và những con ve sầu non có, già có đối với Sơn một cách hết sức thuần thực, hơn cả đội quân trung thành nhất mà cậu thường nghĩ đến. Sơn nhớ làm sao những đóa sen đầu tiên nở trong hồ biếc, nơi ấy cậu đã từng sống những mùa hè trong sáng, lại còn những cánh sen, những con thuyền đã chở nguồn vui đến cho cậu trong lúc cậu đang nóng lòng chờ đợi cái bảo vật hiếm có nhất mà chỉ có mùa hè mới cung cấp cho cậu là những con ve, mà cậu thường dùng làm thuyền thả trôi trên mặt hồ bán



nguyệt rời một mình cậu ngồi trên phiến đá đặt cạnh hồ, dõi mắt theo « con thuyền » trong một cuộc viễn du đầy thi vị, nguồn vui chỉ là tạm thời nhưng cũng không kém đắm say, nên mẹ Sơn đã phải lo ngại cho những độc bình sen bà thường để trên bàn thờ Phật. Nhưng chính Sơn cũng không hề nghĩ đến chuyện ấy, ngay khi cậu có cái so sánh ngộ nghĩnh về cảnh hoa chưa nở vươn lên trong hồ với một đôi tay chấp lại đầy thành kính. « Có lẽ đây là đôi bàn tay đang lạy Phật, chẳng thể sao người ta thường dùng hoa sen dâng cúng Ngài? » Sơn nhủ thầm và tự dặn mình rằng lấy một cạnh sen khi nó chưa rời khỏi hoa là bất kính và có tội.

Nhưng những ý nghĩ ấy lại bị lấp dần đi bởi tiếng ve trong nắng hạ. Những bận rộn khác lại đến với Sơn và cậu sẵn sàng quên tất cả, đời của Sơn không có gì nữa ngoài những phút rộn ràng một cách thích thú với những chú ve đã ở trong lòng tay cậu, hoặc lo lắng và ước ao những con khác khi túi cậu còn trống rỗng. Nhưng Sơn vốn vụng về nên những con ve Sơn bắt được không bao giờ chịu ở trong tay cậu quá nửa giờ, chúng thường bay đi và khôn khéo đậu ở một cành cây cao nhất, Sơn chỉ biết nhìn theo vừa tức giận vừa luyến tiếc trong chuỗi cười chế nhạo của Linh, anh Sơn. Sơn cũng biết « trả thù » mấy con ve mà Sơn cho là đã lừa dối mình, những con còn lại, Sơn bẻ cánh, nhìn chúng bỏ một cách què quặt trên nền đất với một cái thú mà bây giờ Sơn thấy rất hèn hạ. Sơn nhắm mắt để tưởng tượng những tội ác mà cậu gây ra một cách vô tình, rồi cậu bỗng thấy lạnh người với ý nghĩ : « rồi mình sẽ chịu quả báo ». Sơn hối hận lạ. Thì ngày ấy, Sơn có nghĩ làm gì đến nhân với quả ! Hình ảnh một đứa bé độc ác hiện rõ trong trí óc Sơn, cậu thấy cái dĩ vãng của mình tối tăm và không lương thiện chút nào. Bao nhiêu kỷ niệm lại dồn dập đến với Sơn. Sơn nhớ Nội, người yêu Sơn nhất và dạy dỗ Sơn rất nhiều. « Nếu Nội

biết ta đã bắt ve và bẻ cánh nó, thì Nội sẽ không bao giờ yêu ta cả» Sơn hồi hận thầm nghĩ. Phải, ngày ấy Nội đã không dạy Sơn phải biết thương yêu loài vật là gì? và biết bao nhiêu chuyện về gương Từ-Bi của đức Phật mà cậu đã được nghe kể lại, Sơn không nhớ hết nhưng vẫn mang mang nhớ rằng, mỗi lần Nội kể xong là Sơn lại thấy lòng nao nức vì hối hận, và tự hứa hẹn rất nhiều, Sơn mơ tưởng một kiếp sống trong sạch hồi Phật còn tại thế, một thời mà trí tuệ loài người giác ngộ dễ dàng, cậu vẫn thường nghe Nội kể về sắc tướng thanh tịnh trang nghiêm của Phật khiến cho mọi người chỉ trông thấy là đủ để thoát vòng luân hồi nghiệp chướng. « Kiến Phật liễu sanh tử ». Sơn thường nói với Nội :

— Nội à, nếu cháu thấy Phật bây giờ cháu cũng tu được. Những lúc ấy, nội mỉm cười nhìn Sơn giải thích :

Cháu không nên mơ ước những chuyện cao xa ấy, vì hiện tại loài người đang cần tình thương và chỉ tình thương mới đưa loài người thoát khỏi khổ đau... ngay bây giờ cháu phải tập thương yêu loài vật, vì đức Phật ngày xưa đã thương yêu loài vật cũng như loài người. Mà tại sao cháu lại không thương chúng? chúng dễ thương và vô tội, cháu có thấy không?

Sơn đã suy nghĩ rất nhiều về những lời của Nội nói, và thầm hứa sẽ không còn đi bắt ve nữa, nhưng cái tư tưởng bị quan rằng mình đã phạm quá nhiều tội lỗi vẫn ám ảnh Sơn, nhất là khi cậu nghĩ đến một người bạn nhỏ của cậu, Diệu Tịnh. Sơn quen với Diệu trong một hoàn cảnh thật giản dị: nhà Sơn ở gần chùa nơi Diệu Tịnh đang tu học, và hơn nữa Diệu cùng học với Sơn, Sơn chỉ thua Diệu một tuổi, nên đôi bạn lại càng dễ thân mật. Mà không thân làm sao được khi giữa hai cậu học trò nhỏ đã có hồ sen làm môi giới, nơi mà vào mùa hè Sơn thường sang nghịch nước và cũng để đón nhận những gương sen mới hái hoặc một nải chuối nhỏ, những

tặng vật của Thầy ban cho vị khách tí hon... và ngoài ra còn có cả khu vườn nhiều bóng mát và yên tĩnh, nơi cậu vẫn tìm đến hằng ngày để «thăm» bạn. Mỗi lần như thế, Tịnh lại đưa bạn đến một ngôi tháp xưa trong vườn chùa để ngồi «đám đạo». Sơn nhớ có một hôm cậu ngâm thơ hỏi điệu:

— Đây chú Tịnh (Sơn vẫn thường gọi điệu bằng chú), chú có yêu Phật không? Rồi không đợi trả lời, cậu hỏi tiếp:

— Chú yêu đức Phật nào hơn hết?

Tịnh cũng ngâm thơ:

— Tôi yêu nhất là đức A-Di-Đà-Phật, thế còn Sơn?

— Em yêu đức Phật Thích-Ca hơn cả — Từ nay, đức Phật Thích Ca của em đấy, chú Tịnh nhé?

Đột ngột điệu Tịnh bảo Sơn.

— Thế Sơn có thương loài vật không? Thầy dạy, đã theo Phật thì phải thương xót tất cả chúng sinh... Á tại sao Sơn thương đức Phật Thích-Ca hơn cả?

Sơn thần thờ suy nghĩ về lời nói của điệu Tịnh, tại sao vô tình lại giống lời Nội đã dạy bảo Sơn như thế? cậu cúi đầu đáp lời điệu Tịnh

— Có chứ

Rồi đứng dậy từ giả điệu để ra về và lúc chia tay, Sơn đã biết nghiêm trang chấp tay trước ngực, kính cẩn chào: «A-Di-Đà-Phật».

Những lần gặp gỡ đã làm cho Sơn kính mến điệu nhiều và đôi khi cậu cũng mơ ước cuộc sống đạo hạnh ấy. Hồi đó, và cả bây giờ nữa, đời sống điệu Tịnh vẫn là cuộc đời lý tưởng của Sơn, có lúc Sơn đã thầm nghĩ: «nếu mình cũng đi tu như chú?» nhưng ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, Sơn

không cho rằng Sơn có thể « tu » được khi cậu đã bắt vô số con ve của mấy mùa hè. Diệu Tịnh lại được Sơn kính phục hơn nữa, vì luôn luôn đi đứng đầu trong lớp. « Có lẽ nhờ tu, chú Tịnh mới giỏi được như thế ». Ý nghĩ ấy Sơn đã ngộ với ba cậu vào một buổi ăn trưa, sau khi đã kể cho ba cậu nghe tài học của diệu Tịnh, và ba Sơn đã bảo con :

— Phải, đi tu học giỏi như thế! con cũng đi tu mà học cho giỏi nhé!

Sơn ngờ ngẩn hỏi ba

— Thế sao ba không tu?

— Ba lỡ rồi

— Con cũng lỡ rồi!

Thật tình, Sơn thấy mình « lỡ rồi » thật. Làm sao « tu » được, khi mà Sơn đã câu cá, đã bắn chim, mà vẫn thản nhiên không biết ăn năn sám hối?

Sơn trợ người chán nản. Ngoài kia, mưa đã ngưng lúc nào cậu không hay, nhưng những nỗi buồn của cậu cũng tan biến đâu mất. Sơn cảm thấy lạnh lạnh. Thu tay vào áo, cậu thông thả lại phía cửa. Qua làn kính hãy còn nhòà vì nước mưa, Sơn nhìn về phía chùa để tìm bóng dáng diệu Tịnh, nhưng vô tình hồ sen lại chợt nhắc cho cậu bẻ cái dĩ vãng lỗi lầm làm cậu xấu hổ. Sơn tự hứa với một niềm tin: « Lạy Phật, từ nay con xin theo gương Ngài thương yêu tất cả chúng sinh ».

# DIỄN TỪ

Đọc tại các lễ đài ngày Phật-đản 8-4 năm Canh-tý P. L. 2504

(Diễn từ này và bài giảng sau đây đáng ra phải đính vào số Phật-đản, nhưng văn-phòng Tông-hội Phật-giáo Việt-Nam tại Sài-gòn gửi về đến Tòa-soạn thì Liên-Hoa Phật-đản đã in xong. Là một tài liệu cần thiết, dù Phật-đản đã qua trên một tháng, chúng tôi vẫn đính vào số này, để công hiến những vị chưa được hân hạnh nghe trong dịp Phật-đản, hoặc những vị đã nghe nhưng chưa được rõ ràng).  
L. T. S.

**Kính bạch chư Đại Đức Tăng, Ni,  
Kính thưa các đoàn thể Phật-tử,  
và toàn thể đồng-bào,**

Cùng nhận thức một cách thấu đáo ý nghĩa trọng đại của ngày Phật-đản, hôm nay chúng ta tập họp nơi đây để dâng lên Đức Thích-Ca Mâu-Ni, niềm tôn kính vô biên của những người Phật-tử đối với đấng Giáo-chủ, có một không hai, đã từng mở một kỷ-nguyên sáng chói: Kỷ-nguyên của Từ-bi vô-lượng và Trí-Tuệ vô-biên.

Không những là ánh sáng của văn-hóa phương Đông, đạo Phật lại là ánh sáng của nền văn hóa nhân loại. Sự xuất hiện của đức Phật trên thế-giới thật là một vinh dự lớn cho loài người. Sự hiện hữu của Ngài và của nền đạo lý do Ngài sáng lập, đã chứng minh một cách hùng hồn khả-năng vô tận của con người, trong công cuộc chiến đấu chống lại ngu-si và dục-vọng. Điều đó gây cho chúng ta một niềm tin mãnh liệt ở tương-lai nhân loại, ở khả-năng của chính con người. Điều đó cũng lại giúp chúng ta nhận thức được trách-nhiệm của chúng ta đối với đời sống của chính chúng ta và của toàn thể nhân loại.

Trong giai đoạn không mấy sáng sủa này của lịch-sử nhân-loại, chúng ta ai cũng nhận thức được một cách rõ rệt rằng con người hiện đang hoàn-toàn nắm giữ số phận của chính mình. Chỉ có lòng **Tự-Tín**, tình **Thương-Yêu** và **Ý-Chí** vững mạnh của con người mới có thể giải-cứ được con người. Nhận thức ấy cho ta thấy rõ sự cần thiết của đạo Phật, nền đạo-lý tự-giác

giác-tha, tự độ độ tha, xây dựng trên cơ-bản từ-bi trí-huệ và đại-hùng đại-lực.

Phong-trào chấn hưng, Phật-giáo đã phát sinh và lan tràn trên khắp thế-giới. Điềm lành đã hiển hiện, rõ rệt nhất là trong những năm gần đây. Chúng ta có thể theo dõi — bằng báo chí và bằng cả sự tham dự trực tiếp — những bước tiến vĩ-đại mà Phật-giáo các nước bạn đã thực hiện được.

Nhưng riêng về Việt-Nam, chúng ta thấy nền Phật-giáo dân tộc vẫn chưa tiến đến một mức độ xứng đáng như chúng ta hằng mong ước. Cùng một ý nguyện, cùng một niềm tin, người Phật-tử Việt-Nam hãy sát cánh bên nhau củng cố và tô bồi đạo Phật nước nhà, đề cùng với hàng trăm triệu Phật-tử khác trên thế-giới, góp phần hữu hiệu vào công cuộc kiến thiết hòa-bình, xây đời an-lạc.

### Hỡi toàn thể Phật-tử Việt-Nam,

Trong tâm-hồn của mỗi chúng ta, ý nguyện tha thiết và niềm tin mãnh liệt đi theo ý nguyện ấy, cần phải được biểu dương sáng tỏ. Ý nguyện ấy, niềm tin ấy là động cơ bất diệt thúc đẩy chúng ta đi về nêu Thương Yêu và Hướng Thiện. Ý-Nguyện ấy, Niềm Tin ấy cần được biểu dương để có thể lan tràn đến muôn vạn cõi lòng. Ý Nguyện ấy, Niềm-Tin ấy phải như một ngọn lửa thiêng cháy mãi trong tâm hồn mỗi người dân Việt. Ngày mồng tám tháng tư, ngày Khánh-đản đức Phật Thích-Ca, chính là ngày tượng trưng cho ý-nguyện thiết tha ấy, cho niềm-tin mãnh liệt ấy. Tỏ-chức trọng đại ngày lễ hôm nay, tức là chúng ta bộc lộ niềm-tin và ý-nguyện ấy đề cúng dường đức Phật và đồng thời, đánh lên cho cuộc đời, một hồi chuông Tin-Tưởng.

### Thưa toàn thể đồng bào,

Đạo Phật là một kho tàng văn-hóa chung. Đức Phật không phải là của riêng của những người Phật-tử. Đức Phật là một bậc vĩ nhân của toàn thể nhân-loại mà thế-giới đều hướng về ngưỡng mộ tôn sùng. Ngày mồng Tám Tháng Tư, vì vậy, không phải chỉ là một ngày mừng vui của người Phật-tử, mà là một ngày mừng vui của hết thảy loài người. Nhân loại chúng ta hãy sung-sướng tự hào vì đã có đức Phật, và trong không khí trang-nghiêm thành kính này, toàn thể chúng ta hãy giữ vững niềm Tin, đề nêu cao giá trị thiêng-liêng của ngày **Mồng Tám tháng Tư Bất Diệt.**

# BÀI GIẢNG

TRONG DỊP PHẬT ĐẢN 8-4 NĂM CANH-TÝ (2504)  
CỦA TÔNG - HỘI PHẬT - GIÁO TOÀN QUỐC

**NAM-MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÃU-NI PHẬT**

Hằng năm kỷ-niệm Khánh-đản Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu-Ni, chúng ta đã nhiều lần nhắc nhở lịch-sử của Ngài, ý nghĩa ngày lịch-sử ấy, hoặc rút ra những bài học thiết thực bổ ích cho sự xây dựng con người và hoàn thiện con người trên hai địa hạt Tâm và Trí.

Lần này, chúng tôi xin trình bày những lý-do vì sao nhân dân thế-giới đang hướng mạnh về Phật-giáo và lý-do vì sao nhân dân Việt-Nam ngày nay lại càng cần phải quy ngưỡng Phật-giáo và thật hành Phật-pháp mạnh hơn nữa.

Khác hơn các nhà lập giáo khác, Đức Phật không tự xưng là một siêu-nhân, một Thiên-sứ, mà giản-dị tự nhận là một người của Nhân-loại, là một hữu-tình, như nghìn muôn ức hằng-sa hữu-tình trong vũ-trụ vô biên. Có khác với các loài hữu-tình chăng là khác ở chỗ nhân-cách vĩ đại, tri-tuệ viên-

mãn, đạo-đức siêu bạt và từ-bi sâu rộng mà thôi! Tuy chỉ khác ở những điểm đó, nhưng mà lại là những điểm căn-bản cực kỳ quan trọng, vì đó là đường phân ranh giữa ngu và trí, giữa phàm và thánh giữa ma và Phật, cho nên giá-trị tối thượng của Phật-giáo cũng chính ở đó.

Vì giá-trị viên viễn của Phật giáo nằm tại các điểm vừa kể, nên tuy đã Niết-bàn từ trên 25 thế-kỷ, Phật-Tồ vẫn còn để lại trong tâm hồn-nhân-loại một âm hưởng càng xa càng vang dội mãnh liệt, còn để lại trong trí óc nhân-loại một ấn-tượng càng lâu càng hiện đậm nét hơn, khắc sâu vào tâm trí con người của muôn thuở và muôn phương. Âm vang ấy đủ cường độ để xuyên qua màng nhĩ những ai lơ-dĩnh, ấn tượng ấy đủ rõ nét để làm mục tiêu cho những kẻ mất mờ trên đường Giác-ngộ mà con người cần phải đạt tới.

Xét trong các nhân-vật hữu sử của loài người, không một nhân-vật nào có nhân-cách vĩ đại như Phật. Vì nhân-cách vĩ đại ấy nên thân Phật là Kim-Thân bất hoại, lời Phật là Kim-Ngôn bất hủ, Giáo-pháp Phật là Kim-Giáo bất diệt. Và cũng vì bất hoại, bất hủ và bất diệt nên trải gần ba nghìn năm, Phật-giáo còn lưu-truyền mãi qua các thế-hệ đồ-chúng, trước sau kế tiếp tương tục, chưa hề gián-đoạn. Sự hoằng truyền của đồ-chúng đã giải-thoát được biết bao nhiêu thống khổ của nhân-sanh. Đệ ngoài các loại thần linh vu-vơ, trong lịch-sử nhân-loại, nhân-cách Đức Phật thật là vô tiền khoáng hậu.

Đó là lý-do thứ nhất khiến nhân-loại càng ngày càng quy-ngưỡng mạnh về Phật-giáo, song song với bước tiến của Khoa-học.

Quả vậy, Khoa-học càng tiến thì những chân-lý về nhân-sinh và vũ-trụ do Phật phát kiến, lại càng được các giới trí-thức khắp thế-giới âu ca và ngưỡng mộ. Vì sao có sự ngưỡng mộ như thế? Là vì trong giáo-pháp Phật, có những phát-minh quá huyền-diệu mà mắt thịt, trí phàm không tài nào thấy biết nổi, tâm phàm không tài nào thông-cảm nổi. Phải là một trí Kim-cang vô-thượng, một tâm từ-bi vô biên như Phật mới thể nhận được toàn bộ Chân-lý như thế.

Còn Khoa-học ngày nay, tuy có một kỹ-thuật tinh-vi, những khí-cụ tinh xảo, chỉ mới khám phá được một phần nào thôi cái toàn bộ ấy. Lại nữa, Khoa-học là một khối óc không có con tim, cho nên mặc dù có đem lại nhiều lợi-ích vật chất cho nhân-sinh, Khoa-học không sao tránh khỏi những vấp-vấp và gây nhiều đồ dữ cho nhân-loại. Cứ đà ấy, không sớm thì muộn, thế nào rồi Khoa-học cũng phải tìm đồng-minh trong tôn-giáo, và cổ nhiên rồi cũng sẽ nhường vai trò lãnh đạo lại cho tôn-giáo. Tôn-giáo nào? — Hẳn phải là tôn-giáo nào không phản lại Khoa-học trên phương-pháp suy luận diễn dịch, như Phật-giáo.

Ở trên nói Đức Phật đã phát kiến được Chân-lý vũ-trụ nhân-sinh. Nói phát kiến là vì Chân-lý ấy sẵn có. Đã là Chân-lý thì ai mà sáng tạo được? Nếu Chân-lý là điều bị sáng tạo theo ý muốn thì chẳng hóa ra có nhiều Chân-lý lắm sao? mà nếu có nhiều Chân-lý thì Chân-lý nào mới thật là Chân?

Đức Phật không sáng tạo Chân-lý, cũng như các nhà Khoa-học hiện kim không tự đặt định-lý riêng của mình, mà chỉ phát kiến những định-lý sẵn có trong vũ-trụ vậy. Giá trị là tại sự phát kiến ấy. Nhà Khoa-học nào tự mình tạo ra định-lý riêng, thì đó đích là một tay phù-thủy làm phép ảo-thuật,



chứ quyết không phải là nhà Khoa-học chân chính. Giá-trị không ở trò quỷ thuật, giá-trị chỉ ở sức phát kiến mà thôi. Phương chi ở đây, Đức Phật, với trí Kim-cang đã phát kiến toàn bộ Chân-lý bản lai của vũ-trụ và nhân-sinh một cách viên-mãn, khiến cho ai học đến đều thấy được chỗ sở chứng của Ngài, và nếu cố-gắng, cũng được giác-ngộ như Ngài, cùng Ngài đồng nhất về trí-tuệ, thì giá-trị của sự phát kiến ấy vĩ đại biết là nhường nào!

Giáo-phép của Phật để lại là cả một kho tàng vô giá, và đó là lý-do thứ hai khiến nhân-loại quy ngưỡng sùng kính Ngài.

Nhân-cách vĩ đại như thế, giáo-lý tròn đầy như thế, nay nếu xét riêng về phương-diện bành-trướng của Phật-pháp qua không-gian và thời-gian, thì thấy rằng tính cách sâu rộng của sức bành-trướng cũng không kém phần vĩ-dại.

Về chiều rộng, nó có đầy đủ không-gian-tính phổ biến. Cho nên, tuy phát sinh ở Ấn-độ, phạm-vi truyền-bá của Phật-giáo không chỉ hạn cuộc riêng trong ranh giới xứ ấy. Bằng hai con đường, một hướng về Bắc, một hướng về Nam, Phật-giáo đã lan rộng ra như những đợt sóng, phủ lên các nước Trung-Hoa, Nhật-Bản, Cao-Ly, Việt-Nam, Tích-Lan, Miến-Điện, Thái-Lan, v. v. . . nói tóm là khắp

Đông Á. Ngày nay, Phật-giáo đang trong thời-kỳ du nhập mạnh mẽ vào các lục-địa khác và đang chinh phục những bộ óc duy-lý nhất ở nhiều nước Âu-Mỹ.

Về chiều sâu, nó có đầy đủ thời-gian-tính vĩnh cửu. Cho nên từ khi giáo-phép của Phật được phát minh đến nay, sự lưu truyền lâu trên 25 thế-kỷ, và trải qua không biết bao nhiêu biến chuyển, thế mà khi-sắc và tiềm lực phát triển vẫn y nhiên như hồi sơ khởi.

Sở dĩ trải qua bao không-gian và thời-gian mà sắc thái và phong độ không suy biến, nguyên do chỉ tại nhân cách quá vĩ đại của Đấng-Giáo-Chủ, và tại Chân-lý Niết-bàn vĩnh cửu mà Ngài đã khám phá. Hai sự kiện ấy khiến được đồ-chúng không từ một gian lao nào, không ngại một nguy hiểm nào, trước sau kế tiếp nhau, nhất tâm truyền-bá Chánh-pháp, xem đó là sứ mệnh miên viễn của mình. Trên con đường tác sự, tuy đồ-chúng chưa giáo-hóa được toàn thể nhân loại đồng loạt thế nhập Chân-lý, song hễ ai đã có thật học và thật tu theo giáo-pháp, cũng đều có thể tự mình thể nhận được sự lợi-ích của giáo-pháp như thế nào, khi cần phải biện minh. Đây là lý-do thứ ba khiến nhân-loại quy ngưỡng càng mạnh thêm.

Qua không-gian và thời-gian,

sở dĩ Phật-giáo tạo được một bộ giáo-sứ vĩ-đại, ấy còn nhờ một điểm khác là cá-tính đặc thù của Đức Phật.

Nghe đến mấy chữ « cá-tính đặc thù », có người có thể nghĩ lầm rồi cho rằng như thế là không khách-quan và không Khoa-học. Xin chớ vội phê phán. Dĩ nhiên, không ai không thừa nhận rằng cứ thông thường mà nói, mỗi khi nghiên cứu một nhân-vật lịch sử nào, cần phải quan tâm đến những yếu-tố như ảnh hưởng địa-phương, thời-đại, chủng-tộc, huyết-thống, thầy bạn, hoàn cảnh thiên nhiên v.v... xung quanh nhân-vật ấy. Nhưng theo Phật-Pháp, tuy các yếu tố ấy đều có vai trò phải đóng, yếu tố quyết-định vẫn phải là yếu-tố cá-tính đặc thù của nhân-vật được nghiên-cứ. Thật vậy, nếu các yếu tố kể trên đủ tạo một nhân-vật, có sao xã-hội Xuân-thu nhiều như rồng của Trung-quốc lại không phát sinh được một Không-Tử thứ hai?

Đạo Phật gọi chung dưới danh-từ hữu-tình chúng-sanh nào có cái cá-tính đặc-thù vừa nói. Cá-tính đặc thù ấy chịu ảnh-hưởng của thời-gian tính, không-gian tính, đồng-loại tính, dị-loại tính v. v. . . quan hệ lẫn nhau mà chuyển biến. Trên đường giác-ngộ, cá-tính ấy có thể tiến lên hay lùi xuống, tùy theo sự tác động mạnh

hay yếu giữa các yếu tố với nhau. Chính tác dụng liên hệ giữa các yếu tố ấy tạo nên một hế-lực vô cùng mạnh mẽ mà nhà Phật có một danh từ riêng để gọi. Tác dụng kia, tuy có công năng đưa đến sự hoàn bị hiện tượng, song nếu không có đặc-thù cá-tính làm bản-nhân, thì không thể nào hợp lại thành cá-thể được. Vậy bản-nhân là gì? — Cứ thường tình mà nói, người ta gọi bản-nhân ấy là dòng sinh-mạng. Nhà Phật gọi nó là dòng nghiệp-thức, hay trí-thức. hay hoạt-động tâm-lý. Tác dụng của nghiệp-dối với thức tạo nên dòng sinh-mạng nói trên. Sinh-mạng không có nguyên-do đầu tiên và cũng không có chung kết. Nó chỉ tùy nghiệp-lực và thời-gian, không gian.v.v... các yếu tố quan-hệ lẫn nhau, mà biểu hiện ra quá thể là cá-nhân. Thức ấy, tuy vô thi vô chung song vì niệm niệm giao hoán biến động, cho nên được ví như một dòng thác chảy xiết, trước sau nối tiếp nhau không ngừng. Phật-học gọi nó là Thức A-Lại-Da.

Đã hiểu được như thế rồi, thì có thể cắt nghĩa được sự phát-sinh của những bậc có nhân cách đặc biệt vĩ-đại. Tuy cùng một A-lại-da, song hữu-tình có chtra ra phẩm thánh khác nhau, chẳng qua vì nghiệp-lực có sai khác. Phát kiến ra định-luật này, Đức Phật

quả là một nhà thám-hiêm đại tài về thể-giới tâm-linh. Vì Đức Phật sở dĩ chứng được Đại Giác-ngộ, chính cũng do Ngài đã phát kiến ra thức A-lại-da sáu kין nói trên, nên mới chuyển đời được cá-thể thành một tổng thể có nhân-cách vĩ đại như thế.

Nhưng A-lại-da là gì ? — Danh-từ này, Tàu dịch là Tạng-thức, nghĩa là cái thức chứa nhóm đầy đủ các món công năng mệnh danh là chủng-tử. Các chủng tử sáng suốt tốt đẹp thì gọi là chủng-tử Thanh tịnh vô-lậu. Các chủng-tử mê lầm xấu xa thì gọi là chủng tử nhiễm ô hữu lậu. Cả hai đều cùng phải có chứa nhóm mới có phát sinh. Đức Thích-Ca sở dĩ thành Phật, là nhờ một sự gạn lọc công-phu nên mới tiêu trừ hết các chủng-tử nhiễm ô, đồng thời huân tập các chủng-tử thanh tịnh cho đến mức tròn đầy. Muốn đạt được đích ấy, không cần, trên nguyên tắc, phải lâu đến ba a-tăng-kỳ kiếp, mà chỉ cần có một ý-chí kiên cố, không nài gian lao, không từ khờ ải, tập trung định lực huệ lực đến mức cùng cực bất khả tư nghì.

Tự rèn luyện cho mình có được một cá-tính và nhân cách vĩ đại như thế, trên lịch-sử nhân-loại quả chưa từng có vậy. Đây là lý-do thứ tư khiến nhân-loại khâm phục quy ngưỡng ngài.

Như trên, ta đã thấy lý-do vì sao

Phật-giáo bành trướng mạnh mẽ và không ngừng trên khắp hoàn vũ, và được nhân-dân thế giới, tri thức cũng như quần đại quần chúng, thành tâm quy ngưỡng.

Riêng tại Việt-Nam ta, Phật-tử còn cần phải quy ngưỡng mạnh hơn. Sau mười năm chiến tranh, nhân tâm điêu đảo, thuần phong mỹ tục bị xáo trộn một cách quá bi thảm, lại thêm ảnh hưởng tai hại của văn-minh vật-chất ngoại lai đang ồ ạt xô đẩy thanh thiếu niên ta vào con đường sa ngã và tội lỗi. Tình cảnh bi thảm ấy khiến những người ưu thời mẫn thế rất lo âu cho tiền đồ dân tộc. Những việc nào lòng xây ra hằng ngày, mà báo chương, chỉ thuật lại một phần nhỏ, là những bằng chứng không ai chối cãi được. Đê xây dựng lại phong tục thuần lương, đê ngăn ngừa tai vạ do phong trào vật chất gây ra, và phòng không gì bằng đem giáo-pháp của Phật ra truyền bá. Giáo-pháp ấy rất thích hợp với dân-tộc ta. Suốt hai nghìn năm qua, Phật-học đã cùng Nho-học dung hợp nhau mà đào tạo nhân tài cho đất nước, trên thì giúp đỡ nội trị ngoại giao, dưới thì xây dựng thuần phong mỹ tục. Ngày nay, trái với ảnh-hưởng Nho-học bị sút kém, ảnh-hưởng Phật-học vẫn y nguyên, nếu không sâu đậm hơn, trong tinh thần, ngôn ngữ, cảm nghĩ, thì ca, phong-tục, . v . v . . Nói về

số lượng, hiện Phật-giáo cũng chiếm đa số tuyệt đối. Thế thì ngày nay con cháu tiếp tục hướng đi của ông cha là một việc dĩ nhiên

Phương chi, tinh thần Phật-giáo rất bao dung quảng đại, chứ không cố chấp hẹp hòi, nên rất dễ dung hợp với những tư tưởng mới như tự-do, bình-dẳng, v.v... Và lại, xét cho cùng, tinh thần bình đẳng và tự do của Âu-phương mới mang lại, đâu có sánh kịp với tinh thần bình đẳng tự do của Phật-giáo. Ai có nghiên cứu chút ít Phật-pháp đều phát công-nhận sự thật sơ-dãng này. Còn nói đến giá trị con người, thì tưởng, ngoài Phật-giáo ra e không còn ở đâu mà giá trị ấy được xác-nhận một cách long-trọng và tuyệt đối. Đức Phật há không tuyên-bố: tất cả chúng-sanh đều có khả-năng thành Phật, và đều là Phật sẽ thành?

Thích hợp với dân tộc tinh vì rất bao dung, Phật-giáo lại còn giúp một cách đắc lực vào sự chế ngự dục vọng, xây dựng đạo đức đề đối phó với sức bành-trướng của các căn bã văn minh vật chất, một mặt đang xô đẩy đất nước gian sơn vào thế điều linh, một mặt khác lại đang rúc rĩa tủy não của thanh thiếu niên và cảm dỗ họ vào đường tội lỗi. Về phương diện này, Phật-giáo có

thể đồng thời vừa đóng vai trò đồng minh với nền văn minh khoa-học, vì không trái với khoa-học, lại vừa đóng được vai trò hướng đạo cho văn minh khoa học, cung cấp cho «khối óc khoa học» một con tim đề cảm đề thương. Được như thế, Khoa-học với những kỹ thuật tinh xảo của nó mới đạt được kết quả thập phần mỹ mãn mà nhân loại đang mong chờ, mà tình trạng hậu tiến của nền kinh tế nước nhà đang ngưỡng vọng.

Hôm nay, cử hành lễ Khánh dân Phật-Tồ năm 2504, chúng tôi, vì những lý do khàn yếu đã trình bày, thiết tha kêu gọi hết thầy tín-đồ trong toàn quốc hãy sát cánh nhau lại, hãy thông cảm nhau trong một mục đích thiêng-liêng. Vì hạnh phúc của dân tộc, hãy đem hết sức mình ra phụng sự Chánh pháp, truyền bá Chánh pháp thật sâu rộng, để góp phần trong công cuộc tái tạo đất nước xây dựng non tằm, đuổi xa các hiểm họa của lực lượng ma vương đang hăm dọa tiền đồ hạnh phúc của chúng ta.

Được như thế, ta mới thật là xứng đáng là đệ-tử Phật. Được như thế, ta mới còn cơ hội tỏ chức nhiều lễ Khánh dân khác về sau, huy hoàng và tráng lệ hơn bội phần.

NAM-MÔ BỒN-SU THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

# Phật-Giáo Phát-Triển

---

## tại Thụy-Điền

**N**HÌN chung Phật - giáo đang phát triển khắp Âu-châu. Ngay tại Thụy-Điền một nước có thể gọi là thành trì của Thiên - chúa - giáo cổ truyền, Phật-pháp đang đâm chồi mọc rễ kiên cố, phát-triển mạnh mẽ. Thật là một kỳ diệu mà tại nước đó Phật-giáo đã được xem như là một giáo - pháp thực tiễn, một lối sống, chứ không phải là một kỳ lạ ngoại lai.

Phật-giáo đã bắt đầu nảy nở tại đây cách đây đã sáu năm vào lúc Tỳ-kheo Narada du hành truyền bá Phật-giáo quanh thế-giới. Trước ngày Tỳ-kheo Narada đến, ở Thụy-Điền người ta chỉ biết Phật-giáo trong phương diện Thông-thiên-học và xem Phật-giáo Tiểu-thừa như là một môn phái hẹp hòi có một sự giáo huấn huyền bí thấp kém. Khi Tỳ-kheo Narada đến xir đó lần đầu tiên dưới hình thức một Tỳ-kheo áo vàng đệ tử của Phật, nhiều người đi nghe Ngài thuyết pháp chỉ vì tánh hiếu kỳ mà thôi. Nhưng không bao lâu một số người bị hấp dẫn bởi vẻ

sáng sủa phát sinh từ con người của vị Tỳ-kheo ấy, đã bắt đầu nhận thấy có một ít cái gì đáng suy nghĩ trong những điều Ngài đã giảng nên đã bắt đầu chú trọng thật sự đến giáo lý của Đức Phật. Sau cùng thì cuộc du hành truyền giáo của Ngài đã thu hoạch được thành công lớn.

Trước khi rời khỏi Thụy-Điền, Ngài có yêu cầu một tín-hữu là ông Cerutti nên hành lập một nhóm Phật-tử. Ông này đã tập hợp lại tất cả những bạn bè thân thiết tích cực chú trọng đến Phật-giáo. Rồi những điều lệ và nội quy đã được họ cùng nhau soạn thảo, tiếp theo đó Phật-học-hội Thụy-Điền ra đời. Tuy nhiên những năm đầu sinh hoạt của Hội còn phôi thai là vì đối với trí óc của người Thụy-Điền sự kiện Phật-giáo là một điều quá mới mẻ lạ lùng. Dù sao cách đây gần ba năm một biển cố có tánh cách quyết định đã xây đến đánh dấu cho sự phát triển thật sự của Phật-giáo, ấy là ông Erling

Johannesson xin gia nhập Phật-Học-Hội Thụy-Điền. Những cố gắng của ông và của ông Cerutti đã đem lại một tiến bộ rõ rệt : từ đó Phật-Học-Hội Thụy-Điền đã trở thành một tổ chức chắc chắn vững bền.

Trụ sở Trung-Uơng của Hội đặt tại Gothenburg là một thị trấn to lớn nhất, ngoài thủ-đô Stockholm. Mỗi tháng Hội có tổ chức hai lần hội họp gồm những buổi học hỏi giáo-lý cho những kẻ sơ cơ và những lớp tu thuyên.

Cũng nên nhắc đến những trẻ em Phật-tử đi học được miễn học môn Thiên-chúa-giáo bắt buộc trong chương trình, trong số trẻ em đó có vài em được ông Hội-Trưởng giáo-huấn về Phật-pháp.

Tại thủ-đô Stockholm, Ni-cô Amita (trước là bà Wagner) cũng hết sức cố gắng truyền bá Phật-giáo. Ni-cô đã từng thọ giới Sa-di-ni tại Miến-Điện cách đây vài năm. Sau khi hồi hương Ni-cô cầm đầu nhóm «những người bạn của Phật-giáo» tại Stockholm và đã đóng góp rất nhiều vào công cuộc truyền bá chánh-pháp trong nước. Ni-cô đã giảng rất nhiều lần trên máy truyền thanh, Ni-cô đã tổ-chức những trại hè Phật-giáo được rất nhiều người tán thưởng.

Một hình ảnh hấp dẫn khác ở Thụy-Điền là Tỳ-kheo Anagarikasugata (trước đây là ông Wagner) sau khi sống một thời gian tại một ngôi chùa ở Népal, ông về nước thường hay giảng về phương diện mỹ-thuật và du lịch của những nước Á-châu mà ông đã có dịp thăm viếng.

Một trong những phương tiện hiệu quả nhất để hiểu biết và truyền bá Phật-giáo tại Thụy-Điền là sự phát hành một tờ nguyệt-san «Bồ-Đề» do ông Erling Johannesson làm chủ nhiệm. Đây là một tạp chí Phật-giáo đầu tiên xuất bản bằng tiếng Thụy-Điền trong đó có những bài dịch về kinh điển và những bài có giá trị về Phật-giáo. Việc bảo tồn cơ quan Phật-giáo này không gặp nhiều trở ngại về tài chánh hay khác. Chỉ có một Phật-tử thuần thành, một người kiên nhẫn là ông chủ-nhiệm của tờ báo này mới đủ can đảm tiếp tục xuất-bản báo trong khi kẻ khác có lẽ đã thôi chí từ lâu.

Cũng may là Hội Phật-giáo Thụy-Điền nhận được nhiều sự ủng hộ của các nước Tich-Lan. Điển-Điển về mặt tài chánh cũng như Kinh, sách, báo chí,

(Trich World Buddhism)

**Quốc-Anh**

# Thư gửi bạn ★ ★ ★ ★ ★

NGUYỄN THÁI

Đức, ngày... 5 / 60

Bạn,

**C**Ó một ý nghĩ cứ lẩn quẩn mãi trong đầu tôi. ý nghĩ đó như thế này: Gần đây người ta hay nói đến hòa-bình, đến tình nhân-loại và đề tố cáo các tội ác, người ta thường nêu ra đề mục về giặc già, về quả bom nguyên-tử ở Hiroshima đề công-kích. Tôi tự hỏi và tự kiểm xem bộ mặt thật của các lời công kích, các lời kêu gọi hòa-bình kia.

Chắc cả hai điều đều có, đều đúng cả!

Tuy nhiên vì sao muốn có hòa-bình, muốn yêu thương nhân-loại lại không mở ngay ra một nụ cười giản-dị, chung lòng? Không mở cánh tay rộng bằng mặt trời ra? Không đề cho lòng cùng nhau góp một khúc đồng ca?

Điều đe dọa hòa-bình điều phá hoại lòng thương hiện nay không phải là hai quả bom nguyên-tử đã giết một cách dã-man hằng nghìn sinh linh vô tội ở Nhật, không phải là các kỳ đại-chiến vừa qua, Các sự ấy chỉ còn là một lời cảnh-cáo, một lời minh chứng, những chuyện đã qua rồi, những chuyện nên chôn vùi bằng sự Xây dựng mới. Ôi! cái danh-từ xây dựng trở trên làm sao, khi nó bị mãi hoài dừng đến như một chiêu-bài khuyến - dụ.

Điều đe dọa hòa-bình, sự phá hoại lòng thương, là những gì thể hiện trong hiện tại nhằm phân tán sự đồng-nhất của con người bằng lời nói, bằng tư-tưởng, bằng sự đua đòi hơn kém như trẻ nít khoe-khoang áo quần mới của chúng.

Màu da, chủng - tộc, ranh - giới, tư - tưởng này sinh chỉ có giá-trị của sự phân hạn việc làm, của sự chia nhau mài dũa, bồi đắp pho tượng Vạn-toàn của nhân - sinh, chỉ có một giá - trị đơn sơ, tạm bợ, chờ thời. Song chúng ta đã quên điều đó và lấy chủng-tộc, ranh giới, tư - tưởng làm cứu-cánh cho nhiệt - tình sống, gây gờ nhau, chửi bới nhau, và quên đi pho tượng Vạn-toàn còn dang dở mà loài người phải thực hiện.

Chúng ta quên mất sự Quý-giá đồng-nhất của tâm-hồn, như viên ngọc quý lẫn-lóc nơi xó xỉnh của tâm-tâm, đang như bần vì bụi lãng quên qua hàng triệu giòng biển -chuyện của thời-gian. Và chúng ta tranh nhau đi tìm ở góc biển chân trời một hình đá g tượng trưng, chúng ta cãi nhau, đánh nhau trong cuộc đua bắt hư-vô ấy.

Điều đe dọa hòa-bình, sự phá-hoại tình thương là những gì thể hiện

trong hiện tại đã làm cho tâm - tâm mọi người phải ngao ngán, bất an. Đừng nghĩ xa đến cái họa của những quả bom khinh khí, những viên đạn xuyên lục địa, những gì ghê gớm nhất của nguyên tử. Bởi sự sợ hãi đó chỉ nung nấu thêm lực cho sự dữ phá hoại cuộc đời, mà không cản ngăn được các triều giặc của tham vọng sôi sục nơi số người cuồng-tin.

Hãy nghĩ rằng có một đe dọa to gấp nghìn lần những lực nguyên tử kia đang ngấm ngấm ăn rỉ cuộc đời tốt đẹp của chúng ta như loài một năm yên giữa các lớp gỗ: đó là sự phân chia ranh giới, tư - tưởng, chủ nghĩa trong nội tâm của các người hằng tưởng rằng mình đạo-dức và chí thiện nhất, đó là đục-vọng ăn núp dưới muôn hình hài thánh thiện, thông-minh đang quyển-rủ thế hệ chúng ta qua lý-luận trên sách vở, hình ảnh trên sân khấu, rạp chớp bóng, trên báo chí rẻ tiền và màu sắc, đó là những vật dụng không cần thiết, hiện đầy qua quảng cáo xúi dục chúng ta làm nô lệ để kiếm tiền mà rước chúng, đó là sự giáo dục biến chúng ta thành những con người máy, đó là sự nung rền con người bên cạnh các đồ vật giết người, sự thúc đẩy tính lãng mạn, anh-hùng của tuổi trẻ, sự khiêu-khích tính mơ-màng, phiêu lãng của họ để đẩy rúc họ ra khỏi tình âu yếm gia-đình và vát họ vào vòng chiến của tham vọng, tự ái.

Tôi sẽ hơn gì bạn nếu tôi được cấp một bộ đồ sang trọng, nếu tôi được mọi người quy lụy trong hiện tại? Nếu tôi có chiếc xe hơi? Khi chỉ cốt để thỏa thích cho riêng tôi?

Tôi sẽ hơn gì bạn nếu tôi được mọi người vỗ tay tán thưởng, nếu tôi cúi đầu nhận một mảnh giấy khen lao hay bằng cấp trước một người cũng có mắt, tai, mũi, họng như tôi?

Tôi sẽ chẳng hơn gì bạn cả, nếu tôi không biết làm cho cha mẹ thôi phiền muộn vì con cái, nếu tôi không mạng lại cho xóm giềng những nụ cười và tin cậy, nếu tôi không đem lại cho đất đai hoa màu và ngũ cốc, nếu tôi không đem lại cho đời một bài thơ hay tác phẩm gì, ít nhất cũng là con mắt sáng trong, bất bạo của tôi cho đồng loại như bạn đã làm.

Chúng ta không chủ-trương chán đời hay bỏ đời. Trái lại chúng ta vào đời và xây dựng lại tất thảy những gì mà có người đang muốn phá đổ, chúng đi lên mãi bằng sự sáng rực của ý-thức và lòng tin. Chúng ta sẽ mua máy cày để cày ruộng, chúng ta sẽ mở nhà máy để cung cấp cho các nhu cầu, chúng ta sẽ sắm xe hơi... Song máy cày, nhà máy, xe hơi của chúng ta không dùng trong tư tưởng thương tình của số đông là phục vụ riêng rẽ, chúng ta dùng các thức ấy nhưng không làm nô lệ cho chúng, dùng để đẩy mau cuộc sống chung, thế thôi!

Tôi nghe tâm tư tôi thăm vọng mai hoài: Phải làm một cái chi cho đời, phải cố giữ hòa-bình và lòng yêu thương nhân-loại. Tôi cũng nghe cùng khắp đó đây, mọi người tôi gặp-gỡ đều thốt các lời trên. Mọi người đều ghét chiến tranh, đều ghét sự ích-kỷ, đều có lòng quảng đại và bác-ái. Song đâu vẫn vào đấy! Khắp mọi nơi đây súng đạn, đây đây



sự phòng ngự, đẩy những tốp người ăn mặc đồng phục, đẩy các sự cảm giận, thóa mạ ngấm ngấm chỉ chờ một tiếng hô là đồng loạt tuôn trào. Đôi khi chúng ta làm những điều mà chúng ta không hiểu vì sao chúng ta làm, tuy nhiên chúng ta cứ làm, sau đó chúng ta hối hận chút ít, rồi chúng ta tái phạm... : đó là cái họa lớn mà không ai chịu nghĩ-ngợi đề do lường hậu quả.

Chúng ta thấy đều tốt, đều đẹp, song hình như sự tốt sự đẹp kia còn là những hạt trai óng ánh rải-rác dưới bề sâu chưa được gọt nhát, chưa được luồn qua bằng một sợi giây thành chuỗi quý đeo lên ngực mượt của thân Đời!

Con người trong khoảng đời ngắn ngủi đã chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần, chết đi sống lại trong sự sinh-thành tư-tưởng. Khoan bàn chỉ đâu xa một cách siêu-hình, sự e sẽ cãi cọ nhau một cách cuồng-tin và tôn công vô-ích. Ta hãy cùng nhau nói với nhau về những chi trong hiện tại, trong tốt đẹp của mong cầu : Đó là sự gầy dựng một tình thương bốn bề. Đó là niềm hòa bình cho quả đất.

Chúng ta sẽ làm gì ? La gào ? Cãi cọ ? Lập bè ? Lập hội ? Diễn văn ? — Các sự đó đã giàu có trong kho tàng quá dất rồi ! Phải làm một cái gì khác hơn. Một điều gì khác hơn, không cao xa, kỳ-bí, một điều gì thực-sự, thường tình song e sẽ khó khăn chăng ? Bởi những chuyện thường tình mới khó khăn. Câu kỳ như máy bay chúng ta đều làm được, song dễ dãi như chữa hút thuốc hay thức dậy sớm ban mai, đôi khi lại khó và không hứng thú.

Điều thường tình mà chúng ta phải làm là đào tạo thế hệ bạn trẻ. Vì chữa bệnh phải chữa tận gốc. Làm sao cho họ trở thành những nhà bác học hòa-bình, những kỹ-sư, y-sĩ hòa-bình, những nhà nông học hòa-bình... Chặn đứng chiến tranh không chỉ kêu gào sự dừng tay hay lòng thương hại của các nhà bác-học, chính-trị chiến tranh kia, bởi họ đã già rồi, càng già họ càng chôn sống họ trong bao nhiêu thành kiến, định kiến mà họ tự đắc là cứu-thế. Hãy đề cho họ thử dốc bằng sự đi lên của thế-hệ mới. Thế-hệ mới mà ta đã chu-toàn trong khung trời thương mến, khiêm nhường và từ-bí như cây cỏ ban mai mượt đầy sương đêm mát-mẽ.

Tạo hoàn-cảnh nghĩ-ngợi, tạo hoàn-cảnh sống cho bạn trẻ, mớm cho họ ân tình của sự sống như bầu vú đỏ từng giọt sữa nóng thơm vào đôi môi bé nhỏ. Và xin đừng đày ải họ trong xa-xôi, trong cô-độc, trong sự tranh đấu cam go. Cam khổ làm môi mòn sức lực, ít người còn sống sót, nhiều người sa đọa không tình thương, không một ánh mắt cứu chuộc, không một lời an ủi. Xin hãy khoan đại, xin hãy khoan đại ! Xin hãy đẩy lòng thương xót và đừng vô tình như tự bấy nay ! Ôi các người lớn ! Mai đây các người sẽ ra đi, các người sẽ để thân thể tro nằm trong đất lạnh, song con cháu của các người vẫn tồn tại, vẫn sống sót, đó là sự tiếp nối nhiệt-tình của các người, đó là hình hài của các người. Chẳng ai biết, chẳng ai đo lường được cái phút chuyển biến chớp nhoáng giữa sự sống và sự chết, kết-luận của cuộc đời đặng-đặng sẽ tìm được ở phút ấy, song

chẳng còn thời gian mà trần-trối hay hối-hận đâu, rồi sẽ phải đem điều đó đi một cách bức-rức, cực lòng. Vậy chỉ bằng hãy tìm trước các lời kết-luận kia và chắc chắn phải có tình thương mến và dưỡng nuôi con cháu. Bởi chúng là kết quả, là tiếp nối nhiệt tình của các người.

Chúng ta thường ước ao hòa-bình, thường niệm vọng đến tình yêu, song chúng ta ít chịu sống trong hòa bình, trong tình yêu. Người con khi có niệm hờn tủi với cha mẹ, anh muốn quý xin hối lỗi, nói một lời kính trọng, dằm âm, song anh không làm bởi anh có cái tự cao, tự phụ của anh, anh tôn trọng nó hơn. Người chồng khi xa vợ nghĩ rất nhiều đến sự sẽ nuông chiều, yêu cung vợ, song khi sống với vợ thì rất cứng đờ và thô bạo. Người ta mãi hoài trách cứ nhau dù trong mọi thâm-tâm ươm trồng mầm tốt, ngọn cây dần lên lá xanh song cái chuồng gương tự-ái không chịu cắt, cây đành cong ngọn sống cảnh chậu lồng, chẳng ai hưởng được màu xanh đó ngoài kẻ ươm mầm, và kẻ ươm mầm hưởng sự đó như món đồ nuôi dưỡng tính kiêu-mạn mà thôi, họ tưởng mình tốt đẹp, tưởng mình là trung tâm của hết thảy cuộc đời!

Chúng ta thích nói hơn là làm, thích mơ hơn thực hiện. Có lẽ vì thực-hiện dài dòng và khó khăn chăng? Nếu nhà nông cũng nhắc nhóm như ta thì chúng ta còn gạo đâu thổi cơm hằng ngày?

Mấy điều nói ra chỉ là một cảm nghĩ dầy vò tự đã lâu rồi. Nói ra không phải dám trách cứ ai mà thực chỉ như lời thú tội, lời trách cứ lấy thâm tâm.

Thoảng có khi tôi mơ nghĩ một điều thực hiện: Sửa soạn một thể-hệ trẻ khoan dung và giàu lòng yêu mến. Giá như có một số người trong số các hàng trưởng-thượng, hằng ao ước dâng mình cho Đạo-vụ, cho hòa-bình, cho từ-bi hợp nhau lại. Không cần phải đông mới thành việc, một số ít, vừa đủ song thực tâm, đã rức được rồi hết thảy mua chuộc, cám dỗ của cuộc đời. Họ hợp nhau lại thành một làng, nếu muốn cho một tên như mọi sự trong đời đều có tên, ta hãy gọi là làng Hoa Đàm hay làng Trung Thượng. Làng không cần phải có đất, không cần phải cất đình, cất chùa, cất nhà vì làng đây là sự quy tụ của tình thương, làng đây là sự biết có Chân-như, có một cái Bất - biến trong muôn cái tùy - duyên làng đây là nơi đã khám phá ra rồi sự đồng-nhất và chất Quý-báu của đại-thể. Họ hợp nhau lại sống họ không bị bó buộc hay mất mát gì cả, chỉ bị phiền lụy bởi một điều: Sự tính toán lo-âu chung cho con cháu của mình dĩ nhiên con cháu không nhất thiết phải do huyết-thống máu mủ riêng tư của họ. Nhưng tại sao ta lại nghĩ rằng họ sẽ bị phiền lụy vì sự tính toán lo-âu chung kia, khi họ đã tự nguyện dâng mình cho Đạo-vụ, cho tình thương?

Họ sẽ tiếp tục công ăn việc làm hằng ngày như thường lệ, họ vẫn nuôi nấng gia-đình, vẫn sống theo mọi điều họ mong ước. Làng chỉ xin một điều: Số tiền lương kiếm ra được kia ngoài sự trích dụng chi tiêu, sắm sửa cho gia-đình còn dư bao nhiêu sẽ bỏ hết vào

quỹ chung. Không cần có ai kèm-soát, không cần một hệ-thống tổ-chức khoa-học nào cả. Bởi ở đây mọi người đều tự nguyện, đều mang ý chí muốn làm một điều mà từ lâu thâm tâm họ đòi hỏi.

Làng sống trong lề luật tinh-thần do dân làng đồng ý, trong sự đầm ấm của thông cảm, và khiêm nhường, trong sự biết suy nghĩ. Số tiền góp được kia sẽ làm gì đây? — Có rất nhiều điều phải làm, song chúng ta đang nhắm vào dựng xây thể-hệ trẻ mới, vậy thì điều phải nghĩ trước tiên là đừng để cho thể-hệ trẻ mới trong ngu muội, trong sự đào tạo của thế-gian nhằm biến họ thành những con người đồng phục, những con người máy, những con người cuồng-tín có thể chết bất cứ lúc nào do một phút bị kích động anh-hùng tính cho một nghĩa-vụ hay tư-tưởng nào đó mà xét ra rất kịch hề!

Số tiền kia nghĩ ngay đến thành lập một quỹ học-bồi cho các sinh-viên nghèo bất cứ ở ngành nào. Làng sẽ cho họ biết rằng: Làng không bỏ tiền ra nuôi hay mua chuộc họ để làm một việc chỉ cho mai hậu. Họ có tất cả tự do chọn lựa đường đời họ, song họ phải nhớ rằng khi nhận sự giúp đỡ kia tức là họ đã chịu lấy một điều: « Trong tương lai, khi họ thành nhân họ sẽ không để cho mắt họ thấy tai họ nghe một nhân mạng nào gục chết vì đói kém, hay gục chết vì vô-minh. » Số sinh viên này thế nào cũng sẽ trở thành, dù chỉ một số nào đó, Trưởng-mục cho những làng mới, những điển hình của từ-bi, của hòa bình trong cuộc sống mới sẽ là nhóm người tiếp nối Đạo-vụ cho các hàng trưởng-thượng lập làng vì mỗi mơn của thân xác không thể đóc-suốt nữa.

Đó là tiền dùng cho những mầm mống của ngày mai. Trong hiện tại cũng có bao nhiêu việc phải tổ-chức: Thề như dòm ngó đến các bé em còn thơ ngây đang rầy rụa trong nghèo nàn. Trong đời, tôi khóc đã nhiều, tiếng khóc to nhất có lẽ là tiếng khóc lúc vừa sơ sinh, thứ đến là những tiếng khóc bị cha mẹ quát roi mỗi khi chướng đại hồi thơ-ấu, những tiếng khóc càng dần về sau càng nhỏ lại, có khi chỉ còn là sự ảm ú, ghen ngào. Tôi nào có hạnh diện vì tiếng khóc nhỏ dần — để tưởng như được thay bằng các chuỗi cười lớn — bởi tiếng khóc càng nhỏ, càng đau đớn, càng cô sắc, càng day nghiền. Và hình như trong số những lần khóc ảm-ú nhỏ bé kia vì bị áp-bức, vì bất công vì sự áp đảo, rui ro của đời, tôi chỉ nhớ, chỉ biết có một tiếng khóc còn in mãi trong tôi: đó là sự xây đến một hôm sau những chuyến đi đặng đặng, trở về làng quê thăm viếng, tôi ngỡ ngàng trước sự nghèo khổ khốn cùng của quê-hương, đều làm cho tôi đau đớn hơn cả là thấy các bé em nhỏ tí không có những ngày đầm ấm đầy đủ các em sống trong lam lũ, trong thiếu thốn, trong sự co khít áp dè của mấy mảnh liếp đất tre mỏng manh song dai cứng và tù hãm. Mắt các em còn sáng quá, mặt các em còn đẹp quá, tưởng có thể mê man giờ ngày để ngắm trông chiêm ngưỡng như nhà tu ngắm nhìn pho tượng. Thế nhưng các em bị ghì kéo, cột trói vào già cõi của lam than, có tội tình chi mà các em không được hưởng sự sống

ấm áp trong đời? các em như con lừa non ở những làng A-rập bị cột vào cối xay phải đi muôn vòng cố định luân hồi quanh cối hay phải chở các đồ nặng thân người to béo qua các sườn đồi cát bỏng? Các em có tội tình chi? Có tội tình chi mà sớm bị ải đây? chỉ vì các người lớn vô tâm thôi! Sau này, khi sống qua các xứ Âu-châu, một đôi lần dừng bước trong công việc nào, hay trong một gia đình bạn, hay dự các kỳ lễ Giáng-sinh hằng năm, tôi thấy các trẻ nít ở đây hạnh phúc quá! chúng có hết thấy sự chăm sóc nần niu của cha mẹ, chúng có đầy đồ chơi hợp với tuổi chúng. Nghèo khó cũng có song trẻ nít không quá ư lam lũ như trẻ em chúng ta. Năm kia, khi về thăm và sống chung trong một làng di-cư miền Bắc Đức. Đó là những người vừa bỏ hết đất đai nhà cửa trốn đến đây với hai bàn tay trắng họ sống nhờ một số tiền trợ cấp ít ỏi của chính-phủ, họ sống trong đợi chờ, đợi chờ một điều gì mới mẻ, hừng sáng mà họ cũng không biết sẽ là điều gì, họ sống trong niềm hoài hương, đơn chiếc, họ mang cảm xúc của kẻ mất quê-hương, họ chưa có hạnh phúc như họ tưởng. Tôi đã tìm gặp ít nhiều dáng dấp của trẻ em chúng ta, những đôi mắt buồn trong cô đơn bên cạnh đây nhà gỗ nghèo nàn lơ lửng trên bãi đồng không mông quạnh, những con mắt thiếu thốn, hỏi nói với tương lai mờ mịt. Những lần như thế, tôi thấy xót xa và ám-ứ và tự hỏi trong đêm sâu: tội tình chi mà trẻ nít phải hứng chịu tất cả khổ đau do người lớn trút xuống một cách tàn nhẫn, rồi nghĩ rằng: Phải làm một cái chi cho các em! Giờ đây, những lúc đó tôi không biết phải cho các em gì cả, ngoài một vài mẫu chuyện tiên vu. Tôi kể góp thêm giàu trí tưởng tượng các em, cho các em quên cảnh hãi hùng của cô quạnh và khốn khổ, ngoài một vài nụ cười muôn như trao cả lòng mình cho các em, ngoài vài cái vuốt tóc, một đôi giờ chơi đùa với các em. Nào biết cho chi hơn? Áo quần ta ư? Rộng quá đối với các em. Một mình không đủ! Phải có một số đông hợp sức!

Hãy chọn tìm những bé em lam lũ trong thềm cùng làng mạc, núi non xa xôi trên khắp quê-hương chúng ta đem các em về một trung tâm nghỉ ngơi hai tuần lễ, một tháng mỗi năm, tùy phương tiện của làng Hoa Đàm có thể ứng trợ cho các em chơi, cho các em vui cho các em biết tình liên-hệ thương mến trong đời, để lúc trở về với nếp nhà nghèo khó của gia đình, các em có một vốn liếng, tài nguyên: nỗi nhớ nhung mới đời kỷ-niệm êm đềm này sinh cho lòng trông chờ hy vọng vào ngày mai, này sinh cho thương mến ử đây đầy lòng ngày đại, vơm mầm cho sự kính trọng mối liên-hệ với đời và đại-thế.

Hãy lập một khu trường kiểu mẫu!

Các hàng trường thương, các bậc đàn anh ngành giáo dục sẽ góp bàn một hệ-thống kiểu mẫu cho các bé em vì gia đình nghèo khó không thể đến trường học được. Dạy các em không chỉ dạy cái chương trình chiếm tranh bằng cấp mà còn dạy cho các em biết xuất phát lòng tin, biết phẩm giá của mình trong sự tự do lựa chọn niềm tin, không bắt các em phải cúi lạy một điều chi mà người lớn đã quen thuộc, dạy cho

các em biết mọi sự trong đời sẽ nhanh chóng kết quả với bạo-lực, với áp-bức, với tù đày, giết chóc song điều gì giá trị, mỹ phẩm cũu-trường, toàn vẹn phải làm bằng kiên nhẫn, bằng tình thương, bằng thuyềndịnh, dạy cho các em không làm nô-lệ, dạy cho các em thành người, dạy cho các em một nghề-nghiệp chắc chắn.

Nếu hôm nào vì cơm áo, bạn phải đến sở kiểm việc, bạn sẽ giựt mình khi nghe họ hỏi bạn biết làm nghề gì? Bạn sẽ thấy cái học đàng-đàng của mình lúc ấy thực quá ư xa lạ, vô duyên, không dùng đến. Bạn sẽ tự thâm trách: giá mình biết một nghề thợ mộc hay thợ nề thì yên tâm biết bao nhiêu. Ví như không nghề nghiệp, muốn kiếm một chân khuân vác như ở chợ Halle ở Paris chẳng hạn, biết đâu bạn lại sẽ không thâm trách, sao mình không có tâm thân lực-sĩ để có thể vác bao tạ trăm cân chạy trăm thước trong số thời gian hạn định do hội những người khuân vác ra điều lệ khi chọn người.

Ấy, ở đời có những điều khổ tâm nho nhỏ, xót xa, nghe không nắc thành tiếng song hằng ngày có bao nhiêu thân xác đó đây chịu lam lũ, cối cùn. Hãy dạy cho trẻ các điều đó và đừng để cho chúng bơ vơ nữa! Khi còn ở trong gia-đình, còn ở trong lớp học trí tưởng ta chẳng sao hình dung được mọi nỗi khổ dựng thành muôn hình thế lúc con người với hai bàn tay trắng bước chân vào đời. Họ nào có muốn bước vào làm chi, song sự thế thúc hối, đẩy họ vào như những người trường-giã thả gà cho đá nhau. Giữa sự sống và sự chết, họ phải chọn lấy sự sống, giữa sự chết tức-thì với sự chết mòn họ đành phải chọn sự chết mòn, bởi ít nhất ở đây họ còn biết họ, còn trí giác, còn nuôi được tí hy-vọng mỏng manh, chờ đợi dù rồi đây sẽ kh'ng bao giờ thực-hiện. Những người đã lớn trong khổ đau, những người hiểu niềm khổ ở đời, những người đã có cái may mắn bình an trong cuộc sống sẽ phải làm gì, hay vô tình biến mình thành những kẻ chơi gà, để lơ cho các thiếu niên bước vào đời trong thú vị mơ hồ và nhục nhã của kẻ thả gà đá?

Thử hỏi thăm lòng ta, chúng ta đã học được gì ở nhà lớp? Và áp dụng của nó lúc đi kiếm ăn? Mười mấy năm trường, công lao của cha mẹ đổ cho cơm áo để mài cộ đỉnh quần ở nhà trường, để nhằn vào đầu hằng mớ hiểu biết sách vở, rồi một trận cuồng phong nào thổi ta đến trong tro tọng của xã hội, ở đó ta đem các bài toán, các bài sử-địa... như vài manh áo xác xơ đối chọi với đói khát. Ít ai dạy cho ta trong mười mấy năm trường kia thế nào là phẩm giá con người, thế nào là tự-do lựa chọn lòng tin, thế nào là sống để khỏi làm nô lệ, hay quỵ lụy trước một quyền lực áp-bức nào, thế nào là lòng thương, thế nào là nghề-nghiệp, thế nào là đối chọi với đói khát. Nhất là không ai dạy cho biết thế nào là lòng thương. Các lòng thương ban bố kia chẳng qua chỉ là chút cảm-tình dư dả, như kẻ giàu đi bố-thí không ai dạy cho chúng ta điều đó cả. Thần hoặc có dạy chẳng thì chỉ dạy lối học thuộc lòng, lời khuyên răn một cách hời hợt và lý-thuyết. Thần hoặc có

dạy chẳng, song dạy không đúng cách, không đúng chỗ, không đúng tâm hồn, ở thờ và máy móc...

Khu trường kiểu mẫu phải bỏ khuyết các điều trên.

Đó là các điều phải làm cấp bách, ấy là chưa nói đến muôn điều khác, như bệnh-viện, khu giữ trẻ nít, v.. v..

Quan trọng nhất là mục đích của sự thực hiện này chỉ vì lòng thương thuần nhất, chứ không phải vì cốt tâm truyền đạt một tư-tưởng, một tôn-giáo nào.

Giấc mơ thực hiện khi nghĩ đến các hàng trường-thượng là như thế. Với các bạn thanh-niên cũng có không biết cơ man nào là việc đề thực hiện. Nếu có một triệu thanh-niên tất có một triệu công việc làm khác nhau, một triệu việc làm khác nhau song chỉ đề chu toàn một mục đích: Vẹn toàn lòng thương bên đồng loại để cho nổi khổ thời hoành hành, tác hại.

Tôi nghĩ đến các tổ-chức tuổi trẻ cần phải đần-đo duyệt lại. Làm thế nào kiện toàn một nền giáo-dục của tình thương để đáp ứng nhu cầu thu thập của những tâm hồn trẻ. Trước tiên phải có sự kết nối giữa phụ huynh và đoàn thể. Thứ đến đoàn-thể phải tính toán làm sao để cái ngày thứ 8, lúc các em đến với chúng ta, có giá trị quân bình với bảy ngày kia mà các em bị phân tán, cảm dỗ trong những bức tường cách biệt và xôn xáo của xã-hội. Tôi thông cảm và chiêm ngưỡng sự lo âu của các bậc huynh trưởng, có những anh chị bỏ lơ là việc làm ăn của mình, quên ăn quên ngủ để lo tổ-chức đoàn. Song một đôi khi chúng ta chỉ chú trọng có một điều: tổ-chức đoàn trong hiện tại và quên đi điều cần suy ngẫm: tương-lai của các em, sửa soạn cho các em vào đời. Phải chiếu dõi hành động hôm nay vào con đường mờ mịt của ngày mai. Nghĩ được như thế, các em sẽ biết ơn trong mai hậu. Khó, dĩ nhiên là khó, song đó là bổn phận của một tổ-chức giáo-dục. Một hột mè các anh tung ra, xin hãy thận trọng, vì lúa mè nghìn chục ngày mai sẽ là cái quả của các anh. Đó là trách nhiệm các anh phải gánh chịu.

Cho các em hát, cho các em chơi, cho các em học gút, học mật-mã cho các em cảm lều, cảm trại... hay lắm ! Bởi có dịp cho trí óc các em bớt căng thẳng sau một tuần-lễ gò bó. Song liệu cái hay ho hiện tại đó là niềm hay ho mãi mãi về sau cho cuộc đời, hay ít nhất cho ấn-tượng của các em không ?

Thú thật từ mười năm qua tôi dùng không quá ba cái gút trong số hàng chục gút đã học ở đoàn hồi trẻ, tôi chưa hề dùng một lần nào về mật-mữ để nuôi sống thân tôi và có rất ít dịp đề ca lại các bài ca đã học. Cuộc đời có nhiều lúc khó khăn đến không còn có tâm đầu mà hát, cả đến khúc cũng

không được nữa ! Tôi chỉ đã dùng rất nhiều đến trí não để đi tìm sự sống dùng rất nhiều lo âu, suy tính vì bao biến loạn hiện dựng thành-linh trên đường đời áp đảo. Những lúc nguy nan, nghèo khổ nếu có nghĩ đến hát lên, đánh mặt mả đi, hay nhớ đến hàng chục cái gút, dẫu đi đường trong trò chơi lớn cũng không ai nghe thấy, cũng không ai tiếp cứu, cũng không thoát được khó khăn. Tự mình phấn đấu lấy cho mình, tự mình chọn lựa không một lời khuyên chỉ của một ai kề cạnh ! Những sự dùng trí này, không ai sửa soạn, không ai báo trước, không ai dạy cho trong ngày thơ-ấu xa xôi kia cả !

Xin các bậc đàn anh nghĩ ngợi đến đều ấy khi vạch định một chương-trình tồ-chức. Phải làm sao cho trẻ lúc gặp khó khăn có đủ trí-não, dụng cụ cung ứng hồng sống còn.

Tôi không dám múa rìu qua mắt thợ, bởi kinh nghiệm tồ-chức tôi không nhiều như các anh. Tôi chỉ muốn nêu ra ý nghĩ đã thấy, đã sống và chỉ dám sơ thiên góp bàn rằng :

Tồ-chức thanh thiếu niên rất hay về những điều đã thực hiện được. Song đường lối này còn hình-thức lắm, phải tiến sâu nữa vào nội tâm của giáo-dục. Chúng ta hãy thử cùng nghiệm xem có nên nhấn mạnh — bằng cách nào ? như thế nào ? — các điều sau đây không :

Làm cho các em biết ý-thức rõ rệt về lòng tin, tính tự-do, phạm-giá con người để không bao giờ chúng quy lụy trước một bạo lực áp bức nào.

Khuếch trương phong-trào văn-nghệ, nhất thiết không cốt ở sự trình-diễn làm tiền, chỉ cốt ở thực chất bên trong. Gây phong trào kịch, hát, — hát bè, hát đơn, hát duối, hòa nhạc, làm thơ, sáng tác truyện. Văn-nghệ sẽ làm cho các em bớt căn thẳng về trí não, tập cho các em sự hòa hợp của tập đoàn và nhất là làm cho các em biết say sưa trong cuộc sống hiện tại bị lan tràn bởi máy móc, giã tạo và lý luận suông.

Tồ-chức các buổi học nghề để các em có dịp nghĩ đến cơ-cấu của xã hội làm việc và ý-thức về cuộc đời mai sau của mình.

Tồ-chức các buổi đi thăm bệnh nhân, quét dọn giúp đỡ các thôn xóm nghèo nàn để các em tiếp xúc với sự thực, với thiên nhiên với đồng loại.

Một điều dành cho các bạn thanh-niên có gia-đình khá giả, tôi nghĩ rằng nên thực hiện, (chẳng hiểu có đúng không) : Vì các anh thích làm việc thiện, các anh thương kẻ khó, các anh có lòng Từ-bi, yêu đạo-lý.

Vâng, các anh có đủ hết mọi đức tính quý báu để làm mọi sự. Vậy các anh thử hy-sinh hai tuần lễ hay một tháng trong năm vào các kỳ nghỉ, tìm một gia-đình coi cút nào nghèo khổ nhất trong những miền nào cùng bản nhất, các anh tìm đến đó vui vẻ sống dưới túp lều tranh, giúp đỡ họ vun xới vườn tược. Chia xẻ thống khổ với họ, lắng nghe họ than vãn về số phận hẩm hiu, lắng nghe với tất cả lòng thương mến là món quà quý nhất mà những kẻ khốn cùng trông đợi, khi khốn cùng người ta chỉ muốn có kẻ đồng tâm bạn bầu tâm sự để hả hê những gì ứ đầy chất chứa bên trong. Kiểm một việc làm nào đó kề cạnh có thể lãnh tiền, dùng tiền ấy mà sống và đắp điểm vào gia đình mình đang ngụ. Công việc này cần hai tổ-chức hoạt động: một tổ-chức trung-ương liên lạc với các tổ-chức địa phương để biết nơi nào cần có người đến nhất và giữ bồn phận huấn-luyện, nghiên-cứu phương thức và giới các bạn thanh-niên đi, một tổ-chức địa-phương giữ bồn-phận xét gia-đình nào nghèo khổ nhất, khốn đốn nhất cần đến nhiều an ủi của tình thương, đồng thời lo kiểm trước một số việc làm nào đó, để lúc các bạn thanh niên đến có công ăn việc làm ngay.

Điều chính không phải chỉ giúp họ sửa dọn vườn tược, kiếm ra tiền nuôi họ một đôi ngày khá giả, điều chính là sự hiện diện của các anh trong lòng họ, đó là sự chứng thực của từ-bi, có hiệu lực cho hạnh phúc của họ hơn nghìn lần những bài diễn-văn, những pho kinh sách, triết-lý, có gì vui hơn, có gì nâng đỡ phẩm giá của họ lên cao, khi họ nghĩ rằng họ không phải là những người bị lãng quên những người cùng khốn qua sự hiện diện của một kẻ xa lạ song gần-gũi bởi lòng thương mến, kính trọng, khiêm tốn và tươi vui? Đồng lúc các anh đem lại cho ai niềm hạnh phúc thì chính các anh cũng có dịp tập sự bước vào đời, các anh nhận ra một niềm an-lạc quý báu mới, bởi các anh sẽ tình-cờ lần dòr các trang kinh thánh-bí của cuộc đời qua các tâm-hồn, nhà, cảnh mà ít khi các anh nghĩ đến, đọc đến. Chẳng phải đợi có nhân-vật trong một phim xã-hội Ý nói: « Nếu viên sỏi này không mang một ý-nghĩa gì thì cuộc đời cũng chẳng còn có nghĩa lý chi! » Chúng ta mới biết đến cái triết-lý mới về sự tìm kiếm, khai thác giá-trị của cuộc đời ở hết thảy mọi chéo góc, sự vật. Vì hằng nghìn năm trước đây, Phật đã nói rồi, đã nói rất nhiều điều hơn nữa.

Song ta phải hiểu rằng, sự hiểu biết có thể rao truyền, ban dạy được sự khổ có thể diệt được. Còn Chân-lý thì không ai mua cho ai được, không ai dạy, không ai bán, không ai truyền cho ai được. Chân-lý là điều mà mọi người phải tự tìm lấy, tự khai thác lấy. Nói cho thực thì « tìm lấy » là một chữ vô nghĩa, bởi tìm cái chi? Khi ta tìm được ta đã có một định kiến về vật ta tìm và khi đã có một định-kiến thì đó không phải là Chân-lý nữa. Chân-lý không dựng trên ảo-tưởng, trên tưởng-tượng, trên định-kiến do vọng chấp của con người đang lay-dẫy nơi muốn điều bặt-bị riêng-tự. Chân lý thực ra cũng không phải là hai chữ ta viết ra đây, bởi nếu ta có thể viết được, nói được, tu-tướng được thì đó không phải là Chân-lý nữa. Đó là vọng chấp của tâm. Cho nên nếu đập lộn nhau, chửi bới nhau vì



một cái vọng chấp thì không có điều chi đại khờ, con nít hơn! Đạt Chân-lý bằng sự học của ta, sự học không phải chỉ do trí thông-minh mà chính do ở sự sống, sự lăn-lộn trong đời. Học trên một chiếc lá, trên bộ mặt của bà hàng nước, của bác phu xa, học nghe một dòng sông, học trong đôi mắt người yêu học trong muôn cái xê-dịch của đời người. Bao giờ nghe được một tiếng nói thuần nhất nơi các sự vật vô thường kia thì chắc sẽ chứng biết những chi mà ngàn đời loài người chưa thấu hiểu được.

Những điều tôi viết, tôi đề-nghị với bạn trên đây, xem ra thực mơ-màng và lý-tưởng. Tôi biết bạn sẽ nói thế, bạn sẽ nói một lời rất yêu dấu: Chú mày thật không hiểu thực-tế là cái chi!

Suy cho cùng cái gì là lý-tưởng, cái gì là thực-tế? Cái gì trừu-tượng? Cái gì là cụ-thể? Khi bạn bước chân lên chiếc xe hơi, bạn cho chiếc xe hơi kia, tốc độ nọ, sự an tọa của bạn là những điều dĩ-nhiên, thực-tế, song bạn có nghĩ rằng trước đây, trước khi có chiếc xe hơi, nó đã phải thành hình trong trí tưởng, trong mơ màng, trong nung nấu của một quyết tâm thực-hiện?

Thực-tế phải chăng chỉ là những việc thường nhật mà ta đã làm vì thói quen; vì dễ dãi, vì không cần phải bận tâm nghĩ ngợi? Như thế thì lý-tưởng chỉ là những điều quấy phá sự ù-lì nhác nhớm của chúng ta? Là những điều ta không muốn làm mà thôi ư?

Ở Pháp tôi chỉ cần dán 30 quan tiền tem đề gửi một bức thư nặng 20 "gờ ram" qua gần hơn hai mươi nghìn cây số đất do một chiếc máy bay bốn động-lực với vài phi tiêu và phu máy, bay gần trong ba ngày chờ đến Việt Nam. Một chiếc thư như thế ở Thụy-sĩ hay ở Đức, Bỉ... tôi phải trả một giá đắt gấp tám lần hơn thế. Lý do nhờ ở sự ban giao Pháp-Việt. Sự thế như thế vì con người muốn như thế. Đây là lý-tưởng — không thực-hiện được —? đây là thực-tế — thực hiện được —?

Không có điều chi lý tưởng cả, chỉ có sự ao ước thể hiện hay không chỉ có hành-động hay trùm chẳng! dĩ nhiên ta không ngu dại chỉ đề tưởng rằng một sớm một chiều ta sẽ xây-dựng nên thế giới của tình thương. Cần có nhiều thể-hệ chung sức mới làm nên. Nhưng đến thể-hệ nào thì bắt đầu! Thể-hệ này ư? — Nào chúng ta cùng bắt tay! Đợi vài thể-hệ sau rồi sẽ bắt đầu? Nào sẽ đợi! nhưng nếu mai đây sẽ phải chết vì khí độc của bom H thì cũng không nên la oán, khóc than.

Ánh sáng của đạo-lý kia để lại, các mái chùa mền thuộc hiện-lành kia đang còn đó, song sẽ có ngày sụp đổ, tiêu tán bởi lãng quên hay bởi bạo lực, nhưng thân của các anh, nơi cất giữ đạo lý sẽ không bao giờ

bị tàn diệt, các anh là những nếp chùa mới, con các anh, cháu chắt các anh, sẽ mãi hoài là những nếp chùa mới, mãi hoài, mãi hoài cầm cự trấn-ngự.

Hiện-tại biết suy-nghĩ và thuyên-dịnh : đó là bần-phận cấp thiết của chúng ta.

Ở thế-kỷ này, một vài khi có ai chỉ-trích, có ai tỏ ra không ngời được tôn-giáo thì chúng ta không dùng cái phương cách khinh-bì của họ để trả họ, sẽ có ngày họ hối-hận sự nông nổi của họ, nhưng chúng ta phải tự trách rằng : chúng ta đã không luôn thuyên-dịnh khai-thát thấu-đáo hết tài-nguyên của đạo-đức — vạn pháp — để cung-ứng với nỗi khổ đau, bần-khoăn mới của một tâm lý quần-chúng mới trong một thời-dại mới !

Chúng ta sẽ thất bại, nếu chúng ta không tiến lên kịp với trào-lưu cảm nghĩ, đòi hỏi của loài người, vốn tham-lam và khó tính. Khoảng cách biệt giữa sự sống và sự chết của thân thể chẳng có hạn-dịnh, chẳng thể đo lường, chẳng thể biết được. Cũng thế sự sai khác giữa niềm lành với nỗi xấu, giữa ma quỷ và thánh-nhân không biết đâu mà lường, bởi sự thông minh của cả hai bên đều đồng đều. Có khi sự thông-minh của sự xấu, còn gian xảo quỷ-quyệt hơn nhiều, bởi sự đòi thay cũng nhanh chóng như chớp nhoáng.

Nhưng chúng ta không bao giờ thất bại, vì chúng ta có lòng tin, ý-thức đến lòng tin, thấu triệt lòng tin.

Và chúng ta biết hành-động chân chính.

NGUYỄN-THÁI

Tất cả Phật tử hãy tích cực phát-huy  
chánh-pháp để vãng-hồi đạo đức an  
lạc cho đồng bào dân tộc.

## DỊCH

## Vân-Cư tự Cô Đồng

Nhất lâm thanh ngọc lập  
 Thiên diệp lục vân ủy  
 Đỉnh đỉnh ngũ trung dư  
 Cao ý do vị dĩ  
 Sơn tăng niên cữu thập  
 Thanh tịnh lão bát tử  
 Tự vân thủ chủng thì  
 Nhứt lỏa thanh đồng tử  
 Trục tùng manh nha bạc  
 Cao tự hào một thì  
 Tứ diện vô phụ chi  
 Trung tâm hữu thông lý  
 Ký ngôn lập thân giả  
 Cô trực đương như thử

BACH CƯ - DI

## NGHĨA

## Cây đồng ở chùa Vân-Cư

Xanh xanh mình ngọc một cây  
 Nghìn tầng lá lục lướt mây lưng trời  
 Dông dong năm trượng thánh thời  
 Thế mà còn muốn tuyệt vời băng lên  
 Sư-chùa chín chục tuổi trên  
 Già mà còn sạch, sức bền, chí cao  
 Ràng từ tay lão trồng nào!  
 Xưa kia một hạt đồng màu xanh xanh  
 Nảy mầm mầm đã thẳng kinh  
 Cây tuy còn bé, ý đành đã cao  
 Bốn bên không dựa nơi nào  
 Giữa tim có lỗ khí vào thiên thông  
 Nhấn cùng kẻ muốn lập thân  
 Cổ cao, ngay thẳng theo chân cây này.

BỒ-NAM dịch

## Vân-Cư tự Có Đồng

của BACH-CU-DI

Trên một ngọn đồi cao, ẩn hiện một ngôi chùa tịch-mịch, thấp-thoảng trong bóng chiều một nhà Sư tuổi ngót một thế-kỷ, mà đạo-hạnh cùng tăng trưởng với năm tháng trôi qua . . .

. . . Nhà sư hạ bàn tay lầy-bầy gieo một hạt Ngô-dồng.

Hạt này mầm . . . thành cây . . .

. . . Bây giờ cây ngô-dồng đã lớn lên, thân cây vạm-vỡ, vỏ cây xanh sáng như ngọc-bích, thân-thời và trầm-lặng vươn thẳng lên cao tăm-tắp, cành lá sum-sê kết trăm tầng biếc, giữa đám mây ngàn phiêu lưu qua đây.

Cây ngô-dồng đơn độc lớn lên, cao lên mãi, bây giờ mới chừng ấy thôi mà ý chỉ muốn vượt lên chỗ cao-khiết hơn nữa đang biểu-dương trong sức mạnh đáng cao của nó.

Nhà Sư công lạng dưới sức nặng thời-gian, vốn đã rất cao-khiết trong buổi xế-tà, mà vẫn không hề dãi-dọa phút nào, nhà Sư quyết chỉ nâng tâm-hồn đến cảnh-giới cao-khiết hơn nữa.

Đối nhìn cây ngô-dồng đang trầm-mặc vươn lên, nhà Sư suy tưởng :

— . . . Nguyên là một hạt xanh xanh, tay tôi đã gieo hạt ấy, bây giờ là cây ngô-dồng đang biến chuyển hướng thượng. Tôi hiểu rằng nó còn dâng lên cao nữa, cái ý-chỉ mãnh liệt vươn cao đang tiềm tàng trong thớ cây làn nhựa. Cây thoát thân từ đất cằn-côit, chẳng tựa vào đâu, nó tự-tin, tìm cây trống rỗng từ rễ đến đọt một cái tìm dài rộng lặng, chẳng có gì trong tìm cả, tìm cây tiếp liền và thông-suốt với cõi trời xanh bao-la vô hồi vô tận.

. . . Trong sự thanh-tịnh trang-nghiêm này, tôi muốn nhân-nhủ với tất cả mọi người mà tôi đang nghĩ đến và cảm thông rằng muốn được giải-phóng hoàn-toàn và thực sự, chúng ta phải noi gương cây ngô-dồng sống tự-do, ngay thẳng và dũng-mãnh vươn cao mãi-mãi không ngừng.

ỦY KHANH

# Một đoạn đường

Chuyện ngắn của Dương - trường - Giang

SINH ở trường về lòng bồi hồi lo ngại và hối hận là sáng nay đã vì sợ vắng mấy bài kiểm soát hàng tháng, mà bỏ ba Sinh đang ốm nặng để đi học.

Gần tuần nay, Sinh đã xin phép ở nhà. Nghỉ một tuần trong lúc thi cử sắp đến, đối với một cậu học trò chăm chỉ, không phải là chuyện tầm thường, Sinh thi cho là nghỉ như thế còn hơn là để ba nằm một mình trên giường bệnh mà thiếu mặt mình, tuy rằng Sinh ở nhà cũng chẳng có ích lợi mấy. Nhưng trái lại, ba Sinh cứ bắt buộc Sinh đi học. Mỗi đến sáng nay thấy ba hơi khỏe, Sinh mới buộc lòng cắp sách vở đến trường.

Nhớ lại tháng trước đây, khi biết Sinh đứng đầu trong lớp, ba Sinh mua một tấm bìa cứng, mua sơn về tự tay làm cho Sinh một tấm bảng đen để học toán, Sinh thấy thương ba quá chừng. Sinh tự hứa cần phải nỗ lực hết sức để đậu trong kỳ thi trung-học sắp tới, làm ba má vui lòng.

Đến đầu kiệt rẽ vào nhà. Tự nhiên Sinh cảm thấy sốt cả ruột nên bước thật nhanh. Có một chiếc xe đang đậu trước cổng. Bên xe, ông nội Sinh đang nói chuyện với một người mập, thấp, mang kính trắng. Ông này đang nắm cánh cửa xe mở sẵn định bước vào trong xe. Ông này là ai? Ông nội Sinh đang nói chuyện gì với ông ấy? Sinh không biết và không nghe rõ nhưng linh tính báo cho Sinh biết là hai người đang bàn về người ốm. Đến khi ông mập này bước vào trong xe, ông ta còn quay lui bảo với ông Sinh:

«Chậm quá rồi ! Người ta cho tôi biết chậm quá !»

Xe đã chạy. Ông Sinh quay lại, đôi mắt ngấm lệ. Vừa thấy Sinh đi đến, ông Sinh lấy vẻ bình tĩnh và tươi cười của ngày thường, bảo :

— Con về đây à! Vào nhà ăn cơm đi!

Nhưng Sinh hiểu hết cả rồi. Sinh đến trước mặt ông nội:

—Thưa ông ... có phải người vừa lên xe là bác-sĩ không?  
Ông Sinh vẫn cười cười, làm như không có gì đáng  
quan tâm :

— Ừ! Nhưng con vào ăn cơm đi!

Sinh vẫn chần chừ:

— Và ... ông ấy bảo là ba con không cứu được nữa! ...

Ông nội Sinh không trả lời. Ông đi vào nhà, và Sinh đi theo ông. Đến cửa phòng, Sinh thấy chị Hai đang gục mặt vào tường thật thít, chiếc khăn trắng thấm ướt. Sinh thấy như có một bàn tay đang bóp thắt tim mình lại. Đôi môi run run. Có cái gì trong cuống họng muốn bật óa lên, Sinh cắn chặt hai hàm răng.

Má Sinh ngồi dưới chân giường ba, hai mắt đỏ ngầu. Không ai dám khóc thành tiếng vì ông nội Sinh — con người can đảm phi thường ấy — không cho khóc, tuy bên trong mọi người đều có vẻ đau đớn không tả được.

Ông Sinh nghiêm trang bảo :

«Ba con yếu lắm rồi! Không được khóc làm ồn ào!  
Con nghe ông là con thương ba con đấy!»

Xưa nay Sinh chưa lần nào dám trái lời ông, nên cố bặm miệng để khỏi khóc nức lên trong lúc nước mắt chảy ra giàn-giụa.

Sinh vén chiếc mùng lên. Ba Sinh nằm yên người dưới thẳng, chiếc drap trắng đắp ngang ngực. Mắt ba nhắm nghiền lại, đôi quầng sâu đen thẳm. Tất cả các hình nét nhòa đi, tối lại. Sinh gục đầu vào ngực ba. Một cái gì phá vỡ lồng ngực Sinh để bật ra.

«Ba ơi! Ba... con đây!»

Đôi mắt ba Sinh từ-từ mở ra. Đôi mắt ấy nhìn Sinh một lát rồi thoáng sáng lên. Trời ơi! Sinh sẽ không bao giờ quên cái nhìn cuối cùng của người sắp chết ấy. Cái nhìn như muốn nói : « Ta biết có con bên ta, con yêu quý của ta ! »

Đôi môi ba Sinh hình như mấp máy. Sinh cúi sát kề tai đến. Sinh nghe như có tiếng từ bên kia thế-giới vọng về

« Con đừng buồn! Hãy gắng học, thương mẹ và chị. Ba đi  
Tâm can Sinh tan nát! Trời ơi! Ba ơi!

Sinh quò quạng tìm bàn tay ba, Sinh nắm lấy bàn tay  
ấy. Ôi! bàn tay đã giá lạnh! Sinh không còn biết gì nữa ngoài  
việc chuyền tất cả hơi ấm của mình để sưởi nóng bàn tay ba...

Sinh không biết là đã nằm với ba như thế là bao lâu rồi!  
Có lẽ một giờ hay là muôn thuở!... Chỉ biết rằng khi ông nội  
Sinh lay Sinh dậy thì Sinh nghe bên ngoài có tiếng tụng kinh,  
tiếng chuông mõ đều đều. Nhìn ông nội, trong tay nắm chiếc  
kẹp sách mà Sinh đã vất giữa phòng khi vào đây, Sinh hỏi;

— Ba con chết rồi! hử ông! Làm sao cho ba con sống  
lại với con! »

Đôi mắt ông thoáng buồn, ông nhẹ giọng bảo:

— Không thể được. Ba con đã đi hết một đoạn đường.  
Con ra bàn Phật cầu nguyện cho ba con đi!

Tại sao lại không thể làm ba Sinh sống lại? Tại sao lại  
có cái chết để bắt ba Sinh phải lìa bỏ mẹ con Sinh? Ba Sinh  
đã đi hết một đoạn đường là nghĩa thế nào? Tất cả những  
câu hỏi ấy quay cuồng trong đầu óc. Sinh choáng váng dựa  
vào ông, đi ra bàn Phật. Mà Sinh, chị Hai đã quỳ ở dưới  
chân Phật. Sinh cũng quỳ xuống. Tiếng chuông mõ và tiếng  
kinh trầm bổng làm vui dần nỗi đau của tâm can...

« Nam-mô Đa-Bảo Như-Lai.

Nam-mô Bảo-Thắng Như-Lai...

Nam-mô A-Di-Đà Như-Lai... »

Sinh niệm tất-cả chư Phật và trong niệm thành kính vô  
biên, Sinh cảm thấy chư Phật như đã nghe lời thỉnh nguyện  
của mẹ con Sinh mà hiển hiện về đây.

« Nguyên Tây-phương giáo-chủ đại-tử đại-bi tiếp-dẫn đạo-  
sur A-Di-Đà Phật... tiếp độ hương linh vãng sanh Cực-  
lạc quốc ».

Chưa bao giờ đọc kinh cầu siêu mà Sinh lại thông hiểu ý  
nghĩa như bây giờ. Trên bàn Phật, qua làn khói hương trầm,  
Sinh trông như có bóng ba Sinh đang nép sau Phật A-Di-Đà  
để về cõi Tây-phương. Hình ảnh ấy thoang-thoảng như trong  
một giấc mơ. Ba tiếng chuông vang mạnh. Sinh sụp xuống lạy.

Chiều hôm ấy, người ta liệm thân xác ba Sinh. Sinh không có can đảm để nhìn rõ công việc đau lòng ấy. Sinh còn giữ tờ mờ trong trí nhớ là hôm ấy người ta bện cho ba Sinh một bộ áo quần đỏ ngòm một lớp áo trắng, có cả chiếc áo tang. Về sau này, Sinh mới biết là vì ông nội Sinh còn sống, nên ba Sinh phải vận tang phục để báo hiếu cho cha trước khi vĩnh-biệt cõi đời này.

Rồi người ta đặt ba Sinh vào một chiếc quan-tài màu lam. Lúc này Sinh không còn thấy gì nữa. Mọi vật như toàn một màu đen. Sinh nghe có tiếng khóc gào lên thê thảm trong giây lát rồi tắt ngay. Đó là tiếng khóc của mẹ Sinh và của chị Hai mà người ta đã đưa xuống trước dưới nhà bếp và có tiếng kinh tiếng mõ, tiếng chuông vang vang khắp nhà, mọi nơi, trong tất cả bầu trời. Bỗng có tiếng nện thình-thịch xuống nền nhà, tiếng nhồi các khối đất sét. Người ta bẻ ra từng mảnh đặt ở cạnh này, cạnh kia bên sườn bên đầu, bên chân ba Sinh. Người ta làm gì thế này? Tại sao người ta dám xâm phạm vào cái hình hài của người chết. Sinh muốn thét lên, muốn vất những mảnh đất ấy đi, nhưng Sinh thấy tay chân mình bị giữ chặt. Thịch thịch những tiếng ấy như nện thẳng trên tim Sinh.

Sau đó một lát, tiếng kinh mõ đến gần sát bên Sinh. Các vị Sư đứng trước quan tài ba Sinh. Trong những chiếc áo màu vàng ấy, Sinh thấy có ông nội mình. Đôi mắt ông buồn nhìn tận đầu đầu nhưng gương mặt ông nghiêm-trang làm Sinh hơi yên tâm. Sinh chấp tay vào ngực. Thầy chủ lễ rưới nước tịnh thủy lên thân xác ba, Sinh nghe rõ tiếng rưới thình thót và thấy nhẹ nhệ trong lòng. Nước tịnh thủy rưới nữa đi! Tiếng kinh vang lên đi! Các thầy hãy đứng mãi đây! Đừng bao giờ kết thúc lễ này và ba ơi! Mãi ở đây với chúng con!

Nhưng sự thật không thể như lời ước muốn của Sinh. Buổi lễ đã kết thúc. Giờ đã đến. Lớp vải trắng đã phủ lại trên mặt người chết. Thế là hết. Sinh không còn thấy mặt ba nữa. Vĩnh biệt mãi mãi! Và nắp hòm đã đóng lại. Sinh muốn la lên, muốn phá tan nắp quan tài để giữ mãi ba ở bên mình.



Người ta còn ràng thêm lạt tre, rồi người ta đóng nẻo hòm cho chặt. Những tiếng vỗ chạ vào then tre như những nhát búa bổ vào đầu Sinh. Cái bình tỉnh khi nãy tan biến đầu cả. Sinh định khóc òa lên nhưng bỗng có bàn tay ai đang vỗ nhẹ vào vai. Sinh ngẩng lên và nhìn thấy ông nội. Sinh ôm choàng vào lưng ông và khóc rưng rức:

Ông ơi! ba con sẽ không bao giờ về với con nữa!... ba ơi!... ba ơi!

Ông Sinh đứng yên, người ta thấy đôi mắt con người phi thường ấy rơm rớm lệ.

Một lát sau, ông dắt Sinh đi ra bàn Phật. Ông quỳ xuống trước, rồi đến má Sinh, rồi đến chị Hai và Sinh. Cả nhà đọc kinh cầu siêu, cầu cho linh hồn ba được siêu thoát về Tây-phương Cực-lạc. Ba ơi! ba đã đi hết một đoạn đường!

Đêm hôm ấy, người ta thiết lập bàn thờ ba Sinh. Sau bình hoa huệ trắng, là ảnh của ba Sinh. Chiếc ảnh của thời trai trẻ, tươi tắn lạ! Từ cái thuở đầu kháng chiến ấy đến ngày hôm nay, mười mấy năm trời! Bao nhiêu là vui buồn là thay đổi! Luôn luôn ba Sinh ở bên cạnh gia-đình, để đến hôm nay, lúc Sinh đang tiến bộ trên đường học vấn, sắp sửa đủ lòng cánh đề bước vào cuộc đời thì ba Sinh từ bỏ vợ con. Từ nay, mẹ con Sinh nương tựa vào đâu? Ôi! kẻ chết, người sống, hai thế giới muôn trùng cách biệt! Những ý nghĩ ấy đốt cháy tâm can Sinh.

Đến giờ làm lễ bặt khăn. Má Sinh, chị Hai và Sinh đều quỳ trước bàn thờ người chết, phục tang. Bộ đồ vải ta dày trịch ơi! Mày có ôm ấp được nỗi đau lòng của người sống chẳng?

Bây giờ trên linh cữu, một dãy đèn nến đã thấp sáng. Thăng Cu, em út Sinh, mon men đến gần quan tài. Nó quanh quất đi tìm ba. Từ khi trưa đến chừ, người ta bỗng nó đi chơi đề trong nhà được rảnh rang và cũng đề nó không nhìn thấy cái cảnh tang tóc này. Thế mà hình như nó cũng biết được cái gì đã xảy ra. Nó nhìn bộ áo quần vải của Sinh, nhìn đèn nến nghi ngút, nhìn chiếc quan tài xám và đứng ngơ ngẩn.

Anh Sinh! ba mô!

Sinh đau thắt lòng nhưng không muốn chỉ rõ cho em sự thật.

— Ba đi về quê rồi! Cu đến đây với anh!

Sinh kéo em vào lòng và hỏi:

— Cu thương ba không?

Thằng cu không trả lời câu hỏi của Sinh, đẩy tay anh ra và mếu máo:

— Sao ba không về với Cu! hở!

Rồi không ai dỗ nó được nữa. Đến khi vú già lên bế nó xuống nhà dưới, nó vùng vẫy và hét lên:

— Ba mô! Ba Cu mô!



Đã ba ngày qua. Ba ngày Sinh không thiết đến ăn uống. Sinh không rời khỏi quan tài Ba, ban đêm Sinh trải chiếu dưới đất, nằm một bên.

Người ta hay tin đến thăm càng lúc càng đông. Mọi việc giao-tiếp đã có ông Nội và má Sinh. Sinh chỉ biết man máng rằng, đó là các bạn cùng sở với ba, bà con xa gần, các đạo hữu trong các khuôn. Người này đến người khác đặt lễ phẩm lên bàn thờ ba Sinh rồi cúi vái. Sinh thành kính lay trả. Cho đến chiều, mỗi mẹt quá nhiều, có lần suýt ngã ra, không đứng dậy nổi.

Sinh đã phục xuống bao lâu rồi, không còn biết nữa! Bỗng một bàn tay lay vai Sinh. Sinh ngẩng đầu lên. Một ông già râu tóc bạc trắng, khoát áo vàng, đỡ sinh dậy và dẫn Sinh đi vào một vườn hoa. Bông hoa đang độ nở xinh đẹp lắm nhưng Sinh không chú ý. Ông già đi rất nhanh và Sinh hồi hải chạy theo. Đến một ngôi chùa. Ông già đưa Sinh vào phòng trai và ôi! sung sướng quá! Sinh gặp được ba Sinh. Ba Sinh vui vẻ nắm tay con trong lúc Sinh ôm chặt lấy ba. Hồi lâu ba Sinh nâng mặt con lên và dặn dò:

« Con đừng buồn. Đoạn đường ba đi vừa hết. Mong chư Phật cho cha con chúng ta sẽ gặp nhau trong tương-lai. . . »

Có tiếng chuông ngân vang. Sinh lại thấy vị tiên ông đến dẫn Sinh ra. Sinh không chịu đi, dưng-dắng. Quay lại, Sinh không thấy Ba đầu cả và vị Tiên ông lẫn ngôi chùa biển mất. Sinh la lên và tỉnh giấc mơ.

Bên ngoài chuông mõ đã điểm. Tiếng kinh cầu siêu trầm bổng êm êm... Sinh đi ra bàn Phật. Mọi người trong nhà đều đã ngủ. Bên ông nội, Sinh để ý thấy một vị Sư khoác y vàng, tướng mạo trông tương tự như tiên ông trong mộng.

Buổi lễ cầu nguyện, Sinh cứ mơ-màng tưởng tới ngôi chùa xa lạ, tới nhà trai và vợ trẻ mặt tươi tỉnh của ba Sinh.

Lễ xong, vị sư gọi Sinh đến bên cạnh. Sinh nhận ra là Hòa-thượng chùa L. Q. Cả gia-đình Sinh quy-y Ngài. Ngài vuốt đầu Sinh, nắm vai Sinh và trong cử chỉ ấy, Ngài bảo:

« Con là Phật-tử. Người Phật-tử không quan niệm cái chết là hết. Chết có nghĩa là đi xong một đoạn đường.

Đau xót trước cái chết thì không ai tránh nổi vì chúng ta là con người. Nhưng con người theo đạo Phật phải biết tiết chế sự đau khổ, vì hiểu rằng cái đau khổ ấy không lợi gì cho kẻ ra đi, con nên thành tâm chú nguyện cho thân sinh con vắng sanh về nơi Cực-Lạc... »

Sinh cúi đầu, đứng yên. Lời lẽ của Hòa-thượng rất cao siêu nhưng Sinh đã cảm hiểu được chừng nào ý-nghĩa của nó. Sinh hiểu được qua cái bình-tĩnh của ông nội Sinh, qua những lời cầu nguyện siêu thoát thay cho tiếng khóc than lưu luyến.

Và cũng vì thấu hiểu lẽ ấy, nên hôm đưa linh cữu của ba ra nghĩa-địa, khi thấy quan-tài hạ xuống huyết, khi nghe tiếng đất rơi trên nắp hòm, lấp dần, lấp dần dề rồi đắp cao thành nấm mộ, khi nghĩ đến thân xác của ba mình từ nay mãi mãi yên nghỉ trong lòng đất lạnh, Sinh đã theo gương ông Nội, cắn chặt lấy đôi môi ngậm giữ lấy đau thương Sinh không khóc nhưng trong lúc ấy, Sinh đã đem hết tâm lực có thể có của mình để cầu nguyện cho hương-linh ba Sinh mau siêu thoát về Tây-phương Cực-lạc.

**DƯƠNG TRƯỜNG-GIANG**

# ĐẠO PHẬT VỚI

## HẠNH-PHÚC LOÀI NGƯỜI

c ủa H O À I - M A I

**C**ON người sống ở đời dù là bậc đế-vương quyền quý, không mấy ai tự cho mình là sung-sướng; như thế phải chăng là họ tự dối mình? Không họ thành thật lắm đấy, vì họ không tìm ra hạnh phúc thì làm sao họ tự cho mình là sung-sướng được.

Loài người quay cuồng trong cuộc sống để tìm hạnh-phúc nhân-sinh, nhưng không ai được mãn nguyện, cuộc đời vẫn là bề khổ. Một ngày khổ chưa diệt được mà loài người vẫn còn đi tìm hạnh-phúc thì không khác nào muốn hái đóa hoa ở trong gương, bắt vầng trăng ở đáy nước vậy.

Đức Phật Thích-Ca mà hàng triệu Phật-tử trên thế-giới hân-hoan làm lễ kỷ-niệm ngày Đản-sanh — Mồng 8 tháng 4 Âm-lịch vừa qua — đã hướng-dẫn loài người trên đường diệt khổ.

Bài trần thuyết của phái đoàn Phật-giáo Việt-Nam tại hội-ng nghị Phật-giáo thế-giới lần thứ tư đã nói :

*« Nếu không có cuộc sống đau thương thì đã không có đạo Phật. Phật-giáo xuất-hiện vì thế-gian và tồn-tại cũng vì thế-gian. »*

Thật vậy, sứ-mệnh của đạo Phật là diu dắt loài người để kiến-tạo một đời sống an-lạc căn cứ trên nền tảng TRÍ-TUỆ và TỪ-BI.

Những cảnh đau khổ mà Thái-tử Tất-Đạt-Đa đã gặp ở bốn cửa thành Ca-tỳ-la-vệ là những cảnh có thể tiêu-biểu cho nỗi đau khổ của muôn đời.

Ngày nay nhân-loại đã văn-minh hơn xưa, sự đau khổ của nhân-loại có lùi bước trước ánh sáng của khoa-học không?

Trước những sáng chế phát-minh của khoa-học ai là người không công nhận đời sống vật chất và tinh-thần của chúng ta đã trăm nghìn lần thuận tiện hơn đời sống của ông bà ta ngày trước. Nhưng nếu bảo rằng con người ngày nay văn-minh hơn nên ít đau khổ hơn, thì thật chưa ai dám công nhận điều ấy, vì con người ta còn bất-mãn và thối-mắc thì còn đau khổ.

**I. — Đau khổ về thể chất :** Sống ở đời con người đòi hỏi những nhu-cầu vật chất, nhưng mấy ai đã thỏa-mãn với điều kiện vật chất sẵn có của mình. Bạn ở gian nhà chật hẹp, nếu bạn ngó lại những kẻ không nhà, dãi dầu sương nắng thì bạn còn sung sướng hơn họ biết bao! Nhưng không bạn ao ước một sở nhà cao rộng hơn, một biệt-thự lộng-lẫy mới vừa ý muốn, Nhưng ý muốn của bạn vô cùng thì sự khao khát của bạn không khi nào được thỏa mãn. Khi một ý muốn của bạn được thỏa mãn bạn cảm thấy khoan khoái, nhưng cái tâm-trạng khoái lạc do sự thỏa mãn ấy gây nên chỉ tồn tại trong giây phút rồi biến mất, nhường chỗ cho một dục vọng to lớn hơn.

Đề thỏa-mãn được dục vọng, con người thường thường trở nên gian tham giả dối, lừa bịp nhau, khuyh loát nhau. Chúng ta không lạ gì khi thấy những hạng người xây-dựng cái mà họ gọi là Hạnh-phúc trên xương máu của kẻ khác. Lừa dục vọng vị-kỷ do con người nhen lên trở lại đốt cháy lòng người. Dục vọng càng nhiều, bất-mãn càng lắm, bất-mãn càng lắm đau khổ càng tăng. Vậy về phương diện vật-chất con người không tìm ra Hạnh-phúc.

**II. — Đau khổ về tinh thần :** Về phương diện tinh thần con người không làm sao giải-quyết được những thắc mắc của muôn thuở. Ta là ai ? Vì sao có ta ? Đâu là nguồn gốc của những hiện-tượng trên thế-gian này?... Những câu hỏi ấy làm cho chúng ta phải suy nghĩ, Suy nghĩ mà không giải đáp được thì làm sao khỏi thắc mắc, nghi ngờ.

Hơn nữa loài người không phải là giống vô tình như đất đá cỏ cây. Thất tình: hỷ, nộ, ái, lạc ái, ố, dục (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) khiến người ta sống một cuộc đời luôn luôn khủng-hoảng về tinh cảm. Chưa chiếm được cõi lòng của người mà ta yêu, chưa trả thù được con người mà ta ghét, ngày vui ngắn-ngủi, chưa hợp đã tan, chỉ chừng ấy chuyện cũng đủ làm cho con người đau khổ.

Đề cứu vớt loài người, đạo Phật chủ-trương diệt khổ, đồng thời kiến tạo một nền hạnh-phúc cho muôn loài.

**Diệt-khổ :** Như chúng ta đã thấy dục lạc là nguồn gốc mọi đau khổ, muốn đến cõi hạnh-phúc loài người cần phải trừ dục lạc trong tâm mình. Muốn diệt trừ dục vọng, đạo Phật dạy ta cần phải biết Tri-túc. Tri-túc nghĩa là bằng lòng với những điều kiện sinh-hoạt mà mình sẵn có, không đeo đuổi những dục vọng viển vông. Có kẻ bảo Tri-túc sẽ làm trở ngại cho sự tiến-bộ của Khoa-học, sản-xuất. Nhưng không, Tri-túc không phải là đứng yên một chỗ, không chiến-dấu để cải-thiện cuộc đời. Tri-túc ở đây chỉ có nghĩa là đừng mơ ước ảo-huyễn, đừng hướng mọi hoạt-động của xã-hội vào việc phụng-sự dục vọng cá nhân. Những tội ác mà chúng ta mục kích hằng ngày phần nhiều do bệnh « bất tri-túc » gây nên.

Về phương diện tinh thần, theo quan điểm Phật-giáo thì trí óc loài người bị « vô minh » và « dục vọng » che lấp nên không thấy được Chân-lý bất diệt. Vì bị « vô-minh » làm mờ tối nên suy luận của trí óc con người chỉ có thể đưa đến cõi siêu-hình hư vọng, như thế con người không làm sao được thỏa mãn về tinh thần. Con người cần phải

diệt trừ tất cả những « vô minh » đen tối, theo lời dạy của các bậc Giác-ngộ và quyết tâm thực hành những lời dạy ấy. Khi « vô minh » đã được trừ diệt, con người có thể « trực tiếp » được chân-lý. Chân-lý được thấu triệt thì những thắc mắc của con người về cuộc đời vì bản ngã sẽ được giải đáp. Chỉ trong sự giác-ngộ ấy người ta mới tìm được Hạnh-phúc.

Đức Phật còn hướng dẫn loài người tìm Hạnh-phúc bằng đức Từ-bi, Hỷ-xã của Ngài. Đức Phật có đức Từ-bi vô lượng Ngài thương xót, tế độ cho tất cả chúng sinh. Với đức Hỷ-xã, đức Phật đã hy sinh tất cả cho chúng sinh không một niềm luyến tiếc. Ngài đã hoan-hỷ hành đạo vượt qua mọi nỗi gian-lao.

Mỗi khi chúng ta có một thiện niệm, làm một điều lành, chúng ta cảm thấy tâm-hồn khoan-khoái, một niềm khoan-khoái thanh-cao trong sáng khác với tâm trạng khoan-khoái do sự thỏa-mãn của dục vọng gây nên.

Nhờ tinh-thần Hỷ-xã, đức vị tha mà ở cõi đời này chúng ta đã sung-sướng nhìn thấy bao nhiêu đóa hoa từ thiện rực-rỡ hương sắc bên cạnh chiến trường, bên lò sát sinh, gieo vào lòng người một tia hy-vọng ở cảnh thanh-bình của ngày mai, loài người được giác-ngộ, không quay cuồng theo dục-vọng để tàn sát chém giết lẫn nhau.

Ngày Phật-dẫn năm nay đã đến giữa lúc tình hình thế-giới nghiêm trọng, ngòi lửa Dục vọng sẵn sàng bốc cháy đó đây, đưa nhân-loại vào cảnh núi xương, bể máu, chúng ta cùng hàng triệu Phật-tử trên thế-giới cầu nguyện đức Phật chiếu hào quang Tri-tuệ để giác-ngộ loài người, cứu vớt chúng sinh đang bị những làn sóng cuồng vọng làm chìm đắm trong bể trầm luân, hắc ám, ngõ hầu kiến tạo một cảnh thanh bình mà nhân-loại đau khổ đương tha-thiết cầu mong.

**HOÀI-MAI**

# Sinh hoạt của Sinh - viên Phật - Giáo TRƯỜNG QUỐC-GIA NÔNG - LÂM - MỤC

Từ ngàn xưa, cái tinh-thần ngưỡng mộ và kính mến Đấng Từ-Bi vẫn sống động lòng người Phật-tử, nhưng không-gian và thời-gian là hai yếu-tố chính để người Phật-tử có thể thực-hiện cái lý-tưởng của mình hầu tiến đến chân, thiện, mỹ.

Mấy năm trước đây, vào những ngày đàn Phật... sinh-viên Nông Lâm-Mục đi dự lễ hay ăn chay chỉ với tính cách cá-nhân mà thôi. Nhưng càng ngày số sinh-viên càng đông; xét rằng nếu không có một tổ chức thống nhất thì công việc khó được hoàn-mỹ.

Vì thế, nhân một buổi đi lễ Phật ở chùa Bảo-Lộc, một số anh chị em sinh-viên Phật-giáo đã đề nghị với ban trị-sự Tỉnh-hội Phật-giáo Tỉnh Lâm-Đồng là nên thành-lập một đoàn sinh-viên Phật-giáo trường Quốc-gia Nông-Lâm-Mục nằm trong tổ-chức của Tỉnh-hội Phật-giáo Tỉnh Lâm-Đồng để có tính cách đồng nhất trong việc tu-học đạo Từ-Bi.

Ý kiến này được ban Trị-sự Tỉnh-Hội Phật giáo Lâm-Đồng chấp-thuận; và để tiến đến sự hoàn thành công việc, ban Trị-sự Tỉnh-Hội Phật-giáo, Lâm Đồng liền vào yết-kiến Bác-sĩ Giám-Đốc Trường.

Với tinh-thần tự do tín ngưỡng và lòng ưu-ái, Bác-sĩ Giám-Đốc đã không ngần-ngại, tán-thành ý-kiến ấy và còn hứa rằng sẽ giúp-dỡ tùy theo khả-năng của nhà trường nữa.

Sau khi được phép của Bác sĩ Giám-Đốc và Ông Giám-Học, một buổi họp đầu-tiên vào ngày 25 tháng 2 năm 1960 của toàn thể Sinh-viên Phật-Giáo Nông-Lâm-Mục với sự hiện-diện của quý Bác Đại-diện Ban Trị-sự Tỉnh-Hội Phật-Giáo Lâm Đồng, Bác-sĩ Giám-Đốc Trường, ông Quản-Lý, quý vị Giáo-sư và nhân viên nhà trường. Buổi họp này nhằm mục-dịch bầu một ban Đại-diện cho Sinh-viên Phật-Giáo Nông-Lâm-Mục để trực-tiếp liên-lạc với Ban Trị-sự Tỉnh-Hội Phật-Giáo Lâm-Đồng hầu mong mọi công-việc được thống-nhất và có kết quả mỹ-mãn.



**Sau đây là thành-phần Ban Đại-Diện Sinh-viên Phật-Giáo Trường Quốc-gia Nông-Lâm-Mục Bảo-Lộc :**

- 1) Một đại-diện
- 2) Các phó đại-diện
- 3) Một Thư-ký
- 4) Một Thủ-quý.

**Nhiệm vụ của những người trong Ban Đại-diện Sinh-viên Phật-giáo Nông-Lâm-Mục :**

**ĐẠI-DIỆN :** Thay mặt Sinh-viên Phật-Giáo toàn trường để liên-lạc trực-tiếp và chịu trách-nhiệm trước Ban Giám-Đốc Trường cũng như Ban Trị-sự Tỉnh-Hội Phật-Giáo Lâm-Đồng.

**CÁC PHÓ ĐẠI-DIỆN :** Mỗi khóa cử ra hai Sinh-viên (một Nam một Nữ) để thay mặt cho Sinh-viên Phật-Giáo trong khóa mình, liên-lạc mọi công việc với Ban Đại-diện.

**THƯ-KÝ :** Lo việc sổ sách giấy tờ.

**THỦ-QUÝ :** Lo việc tiền-bạc và ăn chay.

Ngoài ra còn có các giáo-sư cố-vấn cho Ban Đại-diện Sinh-viên Phật-Giáo Nông-Lâm-Mục và sau đây là quý danh của các vị này :

— Ông Bùi Huy-Thục, kỹ-sư Canh-Nông

— Ông Quan Hữu-Kim, kỹ-sư Canh-Nông

— Ông Lê Văn-Ký, kỹ-sư Thủy-Lâm

— Ông Lê Minh - Tâm, Kỹ-Sư Hóa-Học, cử-nhân Khoa-học. Và một số viên-chức Phật-Giáo trong trường cũng đã hoan-hỷ tham-gia dưới nhiều hình thức khác nhau.

**Tình-hình sinh-hoạt của Sinh-viên Phật giáo Nông-Lâm-Mục :**

Hiện nay số Sinh-viên Phật-Giáo tại trường vào khoảng 80 người. Nói chung, toàn thể Sinh-Viên Phật-Giáo Nông-Lâm-Mục có những công-việc chính và thường xuyên sau đây :

1) **Đi lễ Phật :** Hàng tuần, cứ mỗi tối thứ bảy, tại chùa Bảo-Lộc có một buổi lễ Phật dành riêng cho Sinh-viên Phật-Giáo. Trong những buổi lễ thường xuyên này, hầu hết các Sinh-viên Phật-Giáo Nông-Lâm-Mục, không ai nhắc nhở ai, đều hân hoan đến chùa dự lễ.

Ngoài ra, Sinh-viên Phật-Giáo Nông-Lâm-Mục còn đi dự những buổi lễ cầu-an có tính cách chung cho tất cả các tín-đồ Phật-Giáo địa-phương vào những tối 14 và 30 âm-lịch của mỗi tháng.

Sau những buổi lễ này, mỗi một người cảm thấy tâm hồn mình khoan-khoái và chính mình tự hãnh diện mà bảo rằng mình đã thu lượm thêm một phần nào Giáo-lý của Đấng Đại-Từ, Đại-Bi để tự cải thiện cho chính bản thân mình cũng như lan-tràn những điều thiện cho những người chung quanh mình.

2) **Ăn chay:** Vấn đề ăn chay vào những ngày vía Phật, rằm và mồng một thì đã có từ lâu nhưng không được thống-nhất và tinh khiết.

Trong những năm trước đây, chỉ có một số rất ít anh chị em Sinh-viên Phật-Giáo Nông-Lâm-Mục ăn chay vào những ngày rằm, mồng một và ngày vía. Việc ăn chay lẻ tẻ như vậy, và lại do ban đầu bếp của trường nấu lấy trong lúc phải nấu biết bao nhiêu khâu phần mặn nữa nên không làm sao cho hoàn toàn tinh-khiết được. Nhưng kể từ khi ban Đại-Diện Sinh-viên Phật-giáo N.L.M. được thành lập thì công việc ăn chay có quy-củ hơn.

Thoạt đầu thì số người ăn chay vào khoảng 30 đến 40 mà vẫn còn do ban đầu bếp của nhà trường lo. Dần dần, số sinh-viên ăn chay vào những ngày vía Phật cũng như rằm, mồng một càng đông, và mãi đến bây giờ con số đã xấp xỉ một trăm.

Để khỏi làm phiền đến ban đầu bếp nhà trường, một số Nữ Đạo-hữu Phật-Giáo Tỉnh-Hội Lâm-Đồng với lòng hộ đạo, với tính cách hữu-ích chung, đã tình nguyện vào nấu những món ăn chay cho sinh-viên Phật-giáo N.L.M vào những ngày trên. Nhờ vậy, ngoài sự ngon miệng, những món chay còn được tinh khiết hơn.

Một bữa ăn chay đã gián-tiếp cứu sống được biết bao sinh mạng mà đáng lẽ phải chết một cách oan ức, không một tiếng than vãn. không một lời cầu xin.

Một bữa ăn chay đã đem lại cho chúng ta những ý nghĩ trong sạch cũng như đã thiết thực và trực tiếp giúp cho bộ phận tiêu-hóa của mình làm việc một cách khỏe-khoắn hơn.

Ý-thức được ý-nghĩa và lợi-ích của sự ăn chay, mỗi một sinh-viên Phật-giáo rất ao-ước, mong mỗi đến ngày ăn chay và cũng không quên tỏ lòng biết ơn những Nữ Đạo-hữu của Tỉnh Hội Phật Giáo Lâm-Đồng đã giúp đỡ việc nấu các món chay cho chúng tôi.

**3) Họp đề kiểm-điêm công-việc :** Tô-chức sinh-viên Phật-Giáo N.L.M mới thành-hình hơn hai tháng nên chưa có một cuộc họp nào quan trọng ngoài năm buổi họp vừa qua nhằm mục-đích tô-chức và kiểm-điêm các sinh-hoạt đã qua.

Theo ý-định của tất cả sinh-viên Phật-giáo N.L.M thì mỗi tháng sẽ có một cuộc họp đề kiểm-điêm công việc.

**4) Đóng nguyệt liêm :** Vì đoàn sinh-viên Phật-giáo N.L.M. trực thuộc Tỉnh-Hội Phật-Giáo Lâm-Đồng nên phải theo quy tắc chung là mỗi tháng, mỗi một sinh-viên Phật-giáo có bốn phần đóng 5\$ cho thú-qũy của Ban Đại-diện để có quỹ riêng, chi tiêu trong mọi công việc lật-vật.

Ngoài những công việc chính là thường xuyên sinh-viên Phật-giáo Nông-Lâm-Mục còn tham gia một cách đặc-lực vào những công việc từ-thiện cũng như vào các tô-chức trong các ngày lễ Phật.

Bằng chứng : Ngày kỷ-niệm Đức Phật Thích-Ca xuất gia (8/2 âm-lịch) sinh-viên đã đi dự lễ tại chùa Bảo-Lộc rất đông đủ và đã tham-gia một cách đặc lực và các công việc giao tế như :

**Viếng Bệnh-viện Bảo-Lộc :** Dưới sự hướng dẫn của Ban Từ-thiện Tỉnh Hội, một số anh chị em sinh-viên Phật-giáo N.L.M đã viếng và tặng quà cho những bệnh-nhân tại bệnh-viện này.

— **Viếng nghĩa địa :** Do ban Trợ-tang Tỉnh-Hội hướng-dẫn, một số anh chị em sinh-viên Phật-giáo N.L.M đã viếng nghĩa-địa ở sau chùa Bảo-Lộc.

### **Phát-động « Ngày công-đức gạch »**

Nhằm mục đích xây dựng cửa tam-quan trước chùa Phật-giáo Bảo-Lộc, ban Trị-sự Tỉnh-Hội Phật-giáo Lâm-Đồng cho phép anh chị em sinh-viên Phật-giáo N.L.M phát-động « Ngày công-đức gạch » Muốn cho thuận-tiện trong công việc này, tất cả sinh-viên, giáo-sư và nhân-viên Phật-giáo Trường Quốc-gia NÔNG-LÂM-MỤC xin cúng một số tiền là 2245\$ để góp phần vào công việc xây cất cổng chùa.

Sau đây là sự tham-gia vào các công-việc tô-chức ngày Phật-Đản (8/4 âm-lịch) của sinh-viên Phật-giáo NLM :

Đề chuẩn-bị cho ngày Phật-Đản(8/4 âm-lịch), tất cả sinh-viên Phật-giáo NLM đã dự một buổi họp rất đông đủ vào ngày 1-4-1960 dưới sự chủ-tọa danh-dự của Giáo-sư Bùi-huy-Thục với sự hiện-diện của hai bác phó Hội-Trưởng và Ủy-viên Gia-đình Phật tử thuộc Tỉnh-hội Phật-giáo Lâm-Đồng cùng với một số quý-vị Giáo-sư và nhân viên nhà trường và sau đây là những công-việc đã tham-gia :

— **Việc rước đuốc Từ-quang:** Trong ngày lễ Phật-Đản, có 10 sinh-viên hiệp-lực vào Gia-Đình Phật-tử Lâm-Đồng rước đuốc Từ-quang từ Đa-Hòa, cách lễ-đài hơn 30 cây số.

— **Dự lễ ở Lễ-Đài:** Vào buổi sáng tinh-sương ngày 8/4 âm-lịch, tất cả sinh-viên Phật-giáo N.L.M. đã tề tựu ở lễ-đài chính đặt tại « B lao ferme » cách thị-xã Bảo-Lộc lối 3 cây số. Sau khi cử-hành lễ xong, tất cả sinh-viên Phật-giáo N.L.M. đã dự cuộc diển-hành qua thị-xã Bảo-Lộc và đã vào dự lễ riêng tại chùa Bảo-Lộc, rồi cùng thọ trai tại chùa.

— **Xe hoa:** Với sự giúp đỡ của Ban Tò-chức Tỉnh-Hội Phật-giáo Lâm-Đồng và hào tâm của quý-vị trong Ban Giám-Đốc, trong giáo-sư-đoàn và nhân viên cũng như của một số đồng anh chị em sinh-viên Phật-giáo trong trường, đoàn sinh-viên Phật-giáo N.L.M. đã đem hết tài sức để hoàn thành một chiếc xe hoa với đề tài « Ý nghĩa ngày Phật-đản »

Dưới bức tượng uy-nghi nhưng không kém vẻ hiền dịu của Đức Thích-Ca Mâu-Ni và một bàn tay đang đỡ bánh xe Chánh-Pháp; chiếc xe hoa của sinh-viên Phật-giáo N.L.M. đã tượng trưng biết bao nhiêu ý-nghĩa ngày xuất-hệ của đấng Từ-Bi.

— **Văn-nghệ:** Một số sinh-viên Phật-giáo N.L.M. đã tham-gia một cách có hiệu quả trong buổi trình diển văn-nghệ do Gia-Đình Phật Tử Bảo-Lộc tổ-chức vào tối Phật-Đản 8/4 âm-lịch,

Với những màn đơn ca, song ca « Kính mừng thầy », « Em lên chùa » cũng như nhạc cảnh « Đi chùa Hương » đã nói lên được lòng ngưỡng mộ và kính-mến của một số sinh-viên Phật-giáo đối với cửa Thiên.

— **Đặc-san Sao Mai:** Ngoài những tổ-chức trên, sinh-viên Phật-giáo N.L.M. còn góp phần để hoàn thành tờ đặc-san Sao-Mai do Tỉnh-Hội Phật-giáo Lâm-Đồng ấn-hành vào dịp lễ Phật-Đản 8/4 âm-lịch,

Nhằm mục đích trau dồi đạo đức và siết chặt hàng ngũ trong tín-ngưỡng, chúng tôi, toàn thể sinh-viên Phật-giáo Trường Quốc-gia Nông-Lâm-Mục nguyện sẽ luôn luôn noi gương đức Từ-Phụ để tiến bước trên đường học đạo và đề hành đạo.

Chúng tôi cũng mong rằng một ngày rất gần đây sẽ có một Tổng-Hội sinh-viên Phật-giáo toàn quốc để chúng tôi có thể góp phần xây dựng an lạc đạo đức cho dân tộc và hoàn thành bổn-phận tự-lợi, lợi-tha của người Phật-tử.

Cao-nguyên, mùa Phật-Đản

**NGUYỄN-MÃN**

(Sinh-viên Phật-Giáo trường Nông-Lâm-Mục)

# ĐÀN SAO LẠP

★

Thạch Trung-Giả

## I

Đàn rơi tiếng trầm  
Sao rớt lung không  
Sao không còn tằm  
Đàn dư tiếng dội  
Gieo trong lòng đàn  
Sao trên đại - hoàn  
Đàn trong U - Đề  
Lạ kia rớt lệ  
Lửa rung ngộp ngừng  
Phải chững cầm âm  
Vào trong ánh lạp.

## II

Phải chững cầm âm  
Vào trong ánh lạp  
Mà rung ngộp ngừng  
Sơn sơn thủy thủy  
Hồng rung se sẽ  
Tranh treo lạnh lùng  
Thế giới mông mông  
Dời theo ánh lạp  
Ai trên tam cấp  
Dung nhan tịch trầm  
Như biết như không  
Hàng mi khói động  
Hàng mi mặt mừng  
Thiêm thiếp không trung  
Hàng mi khói động.

# NHỮNG NGÀ ĐUỜNG

của **VÕ BÌNH CƯỜNG**

CHUYỆN DÀI XÃ HỘI

(Tiếp theo)

## VII

Lực bị bọn thân-bình đập xuống hố, nằm gọn trong bụi rậm không sao dậy được. Thân hình anh ta mang nhiều vết thương và như-nhuễn như bị dằn vì bị lăn nhiều vòng từ trên sườn đồi xuống hố. Bàn chân trái anh bị sưng vù, đau nhức nhối khó chịu như bị trặc hay gãy xương. Anh lăn lộn trong bụi rậm như một con thú dữ bị thương. Hai, ba, bốn lần anh cố ngồi dậy, bò lên khỏi hố; nhưng thân hình nặng-nề của anh chỉ trườn lên được vài thước rồi lại tuột xuống, làm anh đau đớn hơn trước. Cuối cùng, kiệt lực, anh chỉ còn đợi sáng để nhờ người đến cứu.

Nhưng tâm trí anh không để cho anh yên ổn trong đợi chờ. Nhiều nỗi băn-khoăn, lo ngại đến xâm chiếm dần-vật tâm hồn anh, làm anh còn khó chịu hơn cái thân xác mang đầy vết thương của anh nữa. Trước tiên, anh không biết bọn thân bình đem Dung đi đâu, làm gì. Chắc chắn là chúng đã làm ó ể thân nàng. Sự ghen giận như muốn bùng nổ trong đầu anh, Lực cố xua đuổi nhưng không thể được những hình ảnh đen tối, phủ phàng trong ấy Dung là nạn nhân tội nghiệp đang rơi vào tay bọn ác quỷ kia. Những hình ảnh ấy có mãnh lực làm cho chàng điên-tức, đau xót như bao nhiêu mũi dao nhọn đang ngoáy vào ruột, vào tim vào phổi anh. Lực giận bọn thân bình quá. Không ngờ chúng tàn nhẫn, đều-giả đến mức ấy. Anh đã bị lừa phỉnh một cách trắng-trợn, thô bỉ quá sức tưởng tượng của anh. Anh đã tốn hết bao nhiêu rượu cho chúng uống, đã phơi trải lòng anh cho chúng thấy. Anh đã xem chúng như những người bạn tâm đầu ý hiệp; và trong nháy mắt, trước

cái mũi ngon, chúng đã trở mặt, trở lòng, trở thành những kẻ thù ghê gớm. Chúng đã thanh toán anh một cách ngang nhiên, không do dự. Sự sống hay chết của anh, thật không có ý nghĩa, không đáng cho chúng bận tâm. Nếu trong phút giây này có chúng ở đây, Lực sẽ nhảy vồ lấy chúng, cào quấu, xé nát chúng ra như một con mẫn hổ.

Ý nghĩ trả thù làm chàng sực nhớ đến khẩu súng lục mà chúng đã cho chàng mượn, và chàng đã đánh rơi đầu dây trong khi nhào xuống hố. Lực sờ-soạn quanh chỗ mình nằm, bỏ xa hơn tí nữa, với tay sờ vào cỏ, vào lá...

Sau một hồi, chàng nắm được nòng súng lạnh, và mừng rỡ như gặp được bạn thân. Chàng nằm ngửa, hai tay nắm-mé khẩu súng, tưởng tượng cái phút được nhắm bắn vào đầu bọn đều-giả kia.

Nhưng sự vui mừng của chàng thoáng hiện trong chớp lát rồi vụt tắt ngay nhường chỗ cho một nỗi lo sợ khác: làm sao để cắt nghĩa sự rơi xuống hố của mình đây? Sáng mai này, chàng sẽ nói thế nào với những người đến cứu, để họ khỏi nghĩ ngờ chàng đã nhúng tay vào sự bắt bớ và bắn giết đêm nay? Nếu họ biết được, thì chắc tánh mạng chàng khó toàn vẹn. Thật là rối-rắm, nguy cấp! Lực báy giờ đây như con mẫn thú mắc bẫy, cố vùng vẫy tìm cách thoát thân mà không được, trong lúc ấy thì đêm tối cứ lùi dần, lùi dần trước ánh sáng của bình minh sắp đến. Tiếng gà xao-xác ở trong thôn xóm. Vài con chim cất tiếng chào bình minh thời gian đi mau quá, không mấy chốc nữa, đã sáng rõ rồi. Làm sao để che dấu tội lỗi mà mình đã khuấy động trong đêm tối đây? trời đất đâu có tối mãi để che dấu đùm bọc tội lỗi của mình! Đêm tối thật là nguy hiểm, phỉnh phờ: nó khuyến khích, xúi dục mình làm bậy, rồi nó bỏ mình mà đi, để mặc cho ánh sáng ban ngày đến soi sáng, tìm tang vật, điều tra, làm biên bản! Đây, vài tia sáng đầu tiên ở phương đông đã sè ra như cánh quạt, như những tia đèn pha xua đuổi bóng đêm, như những tiếng còi báo hiệu quan tòa sắp đến! thật là nguy cấp! nguy cấp! làm sao đây? Chỉ còn một cách là trốn thoát, trốn thoát mau mau! Lực cố nhịn đau nghiêng răng bặm miệng, viu vào những phiến đá, những cành cây để bỏ

ra khỏi cái hố. Nhưng bao nhiêu sự cố gắng của Lực đều vô ích! Cái chân trái của anh sưng vù, dẹt vào đất như bị dao đâm vào đấy. Nó nặng trĩu, như có ai cột một tảng đá vào đấy và nhất quyết không chịu sự sai khiến của anh. Có lẽ nó đã gãy rồi chăng? Lực nghĩ đến cái tai họa ấy, nhưng không dám đưa tay khám xét cái chân mình, vì sợ lỡ ra nó gãy thật, thì chàng sẽ hoàn toàn tuyệt vọng. Một lần nữa, Lực cố vùi vào một mép đá, đu mình lên. Nhưng vì sức đã mòn hai tay chàng trượt khỏi, mép đá, và Lực ngã ngửa vào giữa lùm cây lại. Những cành sắc những gai nhọn chích tua tủa vào lưng vào hông, vào về chàng. Và càng cựa quậy thì chúng lại càng chích sâu thêm. Lực đành nằm yên vừa thở hổn hển vừa rên hừ hừ...

Lực bỗng giật mình! hình như có tiếng chân bước ở trên sườn đồi. Tiếng chân nghe mỗi lúc mỗi rõ. Hình như nó đang tiến tới phía chàng. Lực lo lắng, tìm khẩu súng lục rơi gần đấy, dẩu vào giữa bụi cây gai. Khi mới nghe tiếng chân, Lực sợ hãi không dám thở mạnh, không dám rên. Nhưng một ý nghĩ vụt đến, chàng rên to hơn trước. Tiếng chân dừng lại. Lực lắng tai nghe ngóng, nín thở đợi chờ... Có phải tiếng chân người không? hay là tiếng chân một con trâu, con bò đang gặm cỏ. Trên sườn đồi? Không, đây thật là tiếng chân người, tiếng chân của nhà sư Thiện-Ứng

Thường lệ mỗi buổi sáng sớm, sau khóa công phu và mấy tuần trà, nhà Sư có thói quen đi dạo quanh đồi hoặc để ngắm cảnh hay chỉ bảo các chú đệ tử tưới cây, hoặc bón phân nhỏ cỏ. Sáng nay cũng vậy, trong khi đi ra phía đồi chè xem các chú đệ tử nhỏ cỏ, nhà Sư nhận thấy có những dấu giày đinh và những cành chế gãy. Nhà Sư sinh nghi, đi lần theo những dấu vết ấy. Khi đến gần miệng hố, Sư Thiện-Ứng bỗng nghe có tiếng rên, nên vội vã đi vòng lại, lần theo sườn đồi, xuống phía dưới hố. Nhà Sư ngạc nhiên và lo lắng khi nhận thấy Lực đang nằm rên hừ - hừ trong bụi. Sư ven cây lá, lần vào. Lực nhận thấy nhà Sư đến, nhưng giả vờ không hay biết, vẫn nằm nhắm mắt, rên to.

— A-di-đà-Phật! Chú Lực sao ra nông nỗi này?

— Mô Phật, thưa thầy con đuổi theo bọn thân binh hồi hôm này đến cướp phá nhà cô giáo Dang, rồi bị chúng xô



xuống hố, có lẽ bị gãy chân, không sao bò lên được.

— Mồ Phật! tội nghiệp cho cô giáo Dung! Hồi hôm thầy nghe tiếng súng, tiếng la cầu cứu, mà thầy ngỡ là ở đâu xa... Chú hãy nằm yên đó, để thầy vào bảo người ra khiêng vào chừa.

Nhà sư vội vã trèo lên đồi, gọi mấy chú đệ tử đem võng và đòn xuống gánh Lực lên. Việc cứu cấp Lực thật là khó nhọc. Lực thì nặng cân mà mấy chú đệ tử lại yếu, vả lại đường lại dốc, lởm chởm đá. Mỗi đầu đòn phải hai chú đệ tử gánh mà còn ý-ạch không muốn nổi.

Nửa giờ sau, họ mới khiêng được Lực vào nhà tăng, để nằm trên bộ phận. Mấy chú đệ tử mặt đỏ phừng, mồ-hôi đầm cả áo, thở hồng hển như bị cọp đuổi. Lực vẫn rên hừ-hừ, mắt nhắm lại. Thân hình chàng bị nhiều vết thương, nặng nhất là vết thương ở đầu, vì bị bả súng của bọn thân binh xán xuống chân chàng bị bầm tím, sưng húp lên. Nhà Sư bảo lấy nước nóng, tự mình rửa những vết thương và băng bó cho Lực. Chân Lực, theo sự khám xét của nhà Sư, không gãy, chỉ trặc thôi.

Sau khi được băng bó, săn sóc, Sư Thiện-Ứng để cho Lực nằm tĩnh dưỡng ở nhà trai, đợi ngày bình phục...

Cũng buổi sáng sớm ấy, thôn xóm vùng Đồi-Mít xôn xao bàn tán về vụ Dung bị bắt cóc và Mẹ nàng bị bắn chết. Chưa ai biết rõ ràng nguyên nhân vì sao tai biến đã đổ ụp xuống gia đình Dung, nhưng vì những vụ cướp bóc và bắn giết như thế không phải là một điều mới lạ ở vùng này, cũng như ở bao nhiêu vùng khác trên đất nước tràn đầy khói lửa này, nên người ta đoán chắc rằng đấy cũng lại là một tội ác ghi thêm vào tập hồ sơ đầy tội ác của bọn cướp nước và tay sai của chúng. Bọn học sinh nhỏ mắt cô giáo thân yêu của chúng như đàn gà con mất mẹ, ngơ ngác, bơ vơ khóc lóc, tùm năm-tùm ba ở trong sân trường. Mặc dù rất muốn, không đứa nào dám đến thăm nhà Dung, vì chúng nghe mẹ nàng bị bắn chết ở ngoài đường được dân làng đem vào nhà và giờ đây đang tầm liệm.

Sư Thiện Ứng sau khi băng bó cho Lực xong, lật đật xuống nhà Dung,

Khi Sư đến thì người ta đang sắp sửa đặt thi hài kẻ xấu số vào quôn. Sư làm lễ siêu-độ cho hương-linh bà và sắp đặt việc chôn cất, vào chiều hôm ấy.

Chỗ an nghỉ cuối cùng của bà được Sư Thiện-Ứng chọn, cho ở gần bãi sản ven sườn đồi phía tây. Đây là một nghĩa địa nho nhỏ của chùa, dành riêng cho các bần đạo của chùa.

Đám tang cử hành vào khoảng mặt trời đang lặn. Một cái quan tài sơn đỏ cột vào 2 đòn gánh có 4 người gánh một bát nhang đặt ở giữa và hai ngọn đèn ở hai đầu nắp quan tài. Sư Thiện-Ứng đi trước dẫn đường, ba bốn Ông già Bà lão và một nhóm học-sinh nhỏ theo sau quan tài: Đó là tất cả những người quen thuộc đã đưa mẹ Dung đến nơi an nghỉ cuối cùng. Họ lẳng-lặng đi trong ánh chiều tà, đầu cúi xuống, không ai khóc, nhưng men buồn đau thấm tận xương tủy. Người xấu số đã sống lam-lủ, cần cù trong bóng tối và bây giờ cũng chết trong bóng tối thật là vô nghĩa! Cái sống đã vô nghĩa, cái chết cũng vô nghĩa. Chỉ có tình thương giữa hai mẹ con Dung là mối giây ràn buộc họ với nhau và ràn buộc họ trên cõi đời. Giờ đây sợi giây ấy bị một loạt đạn làm đứt ngang. Một nửa sợi giây rơi xuống đất và sẽ bị chôn sâu trong đất. Còn nửa sợi giây kia, bị mang đi, không biết đi đâu, có lẽ đang quần quai trong bàn tay bọn quỷ sứ. Thật là bi-đát! Nửa tình thương còn sống kia, trong phút giây này, không được đi theo tiền đưa nửa tình thương đã chết ra nghĩa-địa. Những người đi theo quan-tài thương người nằm trong ấy một phần vì thương người con gái độc-nhất của Bà đến mười phần.

Trời đất có buồn không? Sao vắng vẻ thê lương thế này? Mặt trời vội-vã lẩn tránh sau rặng dừa xa; chim chóc không buồn hót; lá vàng rơi không một tiếng than. Cho đến bọn học-sinh nhỏ, thường riu rít luôn mồm, giờ đây cũng im bật tiếng.

Lễ hạ huyệt cử hành xong thì màn đêm cũng buông xuống trên đồi. Những tiếng nện đất hấp tấp cuối cùng vừa chấm dứt mọi người đi đưa lần lượt đến vái chào kẻ quá cố một lần nữa, rồi kéo nhau ra về.

Năm mờ mới vun đất đỏ nằm trơ ở lại, chưa kịp làm quen với đám mã cữ xanh rì, bơ-vơ ngo-ngác giữa đêm đen.  
(còn nữa)

PHẦN THỨ II

Mục-dịch và lịch-trình tiến triển của  
**GIA - ĐÌNH PHẬT - TỬ**  
(Tiếp theo)

HÙNG-KHANH

Mặc dù loạt bài này đang nói về lịch trình tiến-triển của Gia-đình Phật-tử, nhưng vì trong số trước, trong khi bàn đến sự hy-sinh và thiện-chí của các cấp lãnh đạo G.Đ. P.T. địa phương để thực-hiện sự thống nhất phong-trào, chúng tôi có hẹn sẽ bàn đến lý-do vì sao G.Đ.P.T. bị các người lớn, hội lớn trong Tổng-hội xem rẻ, xem khinh, nên trong số này, chúng tôi xin giữ lời hứa, tạm gác vấn đề lịch-trình tiến triển của G.Đ.P.T. để đi sâu vào những lý do đã làm cho Gia-đình Phật-tử không được trọng nề.

**I) Nhận xét tình trạng.** — Chúng tôi đã từng nghe nhiều anh chị em cốt cán của G.Đ.P.T. thở ra với chúng tôi: Em còn ở lại với G.Đ.P.T. là vì lý-tưởng, vì tình-thương đối với các em, chứ không thì đã lìa xa Gia-đình Phật-tử lâu rồi.

Có chị trưởng cố cựu đã rọi nước mắt mà kể lè: « Em có phải là con nít nữa đâu. Ở trong hội, thì em cũng là ban viên ban Tị-sự. Ở ngoài đời, em có thua sút ai đâu. Thế mà khi mặc áo lam vào, đi với các em Phật-tử, là người lớn trong hội nhìn em với con mắt khác ngay. Họ xem em cũng như bọn con nít, đối xử như đối xử với con em họ».

Có anh huynh-trưởng lại bảo: « Làm một người huynh trưởng phải nhịn nhục nhiều lắm mới được, và sẵn sàng để nghe các bác la mắng. » Một ban viên ban Trị-sự chi-hội kia đã mắng các em: « Tụi bây ăn bám vào chi hội, tao sai mà tụi bây không làm, thì tao đuổi đầu đi hết. » !!! Thật là bi thảm! Có nhiều thanh niên trí thức rất muốn đến với Gia-đình. Họ là những người có địa vị trong xã-hội, vì thấy lý-tưởng của Gia-đình Phật-tử tốt đẹp mà muốn tham gia hoạt động. Nhưng khi đến với Gia-đình, họ bị ban viên ban Trị-sự đối xử thế nào không biết mà họ nhận thấy mất hết cả tư cách là một huynh-trưởng, một người đã đến tuổi trưởng thành và hiểu biết. Chúng tôi không có ý yêu cầu những người ấy được đối xử một cách đặc biệt, không muốn Hội tân bối họ, vì như thế cũng không hay ho gì, đã đến chùa thì nên để chức tước phẩm hàm ở ngoài cửa. Nhưng ít ra, cũng đừng nên thấy rằng vì họ chơi với con nít, nên họ cũng là con nít; đừng nên nghĩ rằng vì tồ chức Gia-đình Phật-tử nằm trong nách hội, nên những người ở trong Gia-đình cũng phải nằm trong nách những ban viên của Hội.

## II) Lý do của thảm trạng nói trên :

*A. — Về phía những người có trách nhiệm trong hội.* — Phải thẳng thắn mà nói ngay rằng ở trong ban trị-sự các cấp, và nhất là ở các khuôn hay chi hội, có một số đông ban viên không hiểu gì về Gia-đình Phật-tử hết. Họ không hiểu mục-đích của Gia-đình, cũng không tổ-chức, hoạt-động, phương pháp giáo-dục của Gia-đình, nên tưởng các em vào Gia-đình thì cũng như các Đạo-hữu vào hội, vào đề tu như họ, làm việc như họ, mình làm gì thì bắt các em làm nấy. Thậm chí có nhiều người có trách-nhiệm trong các ban Trị-sự mà không bao giờ thấy (thấy chứ chưa nói là đọc) Nội quy của G.Đ.P.T. là thế nào. Có người

bướng đến nỗi nói xua đùa: — Nội quy của tụi bây đặt ra thì tụi bây theo, chứ ăn thua gì đến Hội, đến chúng tao?

Câu nói thật đã làm xấu hổ lây cho toàn thể những ai có trách nhiệm trong Hội! Có người lại nghĩ rằng mình lớn và lại ở trong cấp bậc đàn anh của Hội thì có quyền sai sử các đoàn viên G.Đ.F.T, bắt họ phải tuân theo ý muốn của mình, như kiểu trong đại Gia-đình, Cha Chú nói thì con cháu phải nghe. Họ quên rằng Gia-đình Phật-tử là một tổ-chức như một hội, có điều lệ, có chương trình hoạt động, có tôn ti trật tự; họ đâu có quyền sai bảo ngang như sai bảo con em ở nhà được? Mặc dù các đoàn sinh là con em hội-viên cả đấy, nhưng khi những người con em ấy đã mặc áo lam, đã đến hội họp ở đoàn, thì họ là những đoàn sinh, chịu mệnh lệnh của anh hay chị đoàn-trưởng; và những anh hay chị đoàn này lại chịu mệnh lệnh của ban Huynh-trưởng hay ban Hướng-dẫn. Chính ban Hướng-dẫn mới có quyền trực tiếp điều khiển Gia-đình Phật-tử, và trực-tiếp chịu trách nhiệm về Gia-đình Phật-tử. Một tổ chức nào cũng thế, tất phải tuân theo một trật tự nào đó mới tồn tại và sinh-hoạt điều hòa được. Nếu mệnh lệnh không duy nhất, nếu ai cũng có quyền ra mệnh lệnh, nhất là những người vô thẩm quyền, vô trách nhiệm cũng ra mệnh lệnh, tổ chức ấy trở thành một giở của.

(Còn nữa)

**Chúng tôi vừa nhận bản nhạc « VŨ KHÚC BÌNH MINH » của Tâm-Hòa và Minh - Ước do Viện xuất bản Huyền - Trang hộp thư 820 Sài-gòn gửi tặng. Chúng tôi xin cảm ơn quý Viện và hoan hỷ giới thiệu với độc - giả Liên-Hoa.**

**L. H. N. S.**

TỔNG TRỊ-SỰ  
Chùa Phật-giáo Từ-Đàm  
Hộp thư 62  
H U É



Số 096-PG/TP

Phật-Lịch 2,504, ngày 16-5-60 D.L.

**HỘI - TRƯỞNG**  
**Phật - Giáo Việt - Nam**  
**tại Trung - Phần**

Kính gửi ÔNG BỘ-TRƯỞNG BỘ NỘI-VỤ

ở SAIGON

(Kính quá Ô. Đại-Biểu Chính-Phủ tại Trung-Nguyên T. P,  
Ô. Đại-Biểu Chính-Phủ tại Cao-Nguyên T. P,  
Đồng sao kính gửi các Ông Thị-Trưởng và Tỉnh-Trưởng  
tại Trung-Nguyên và Cao-Nguyên Trung-Phần)

Kính thưa Ông Bộ-Trưởng,

Hội Phật-Giáo Việt-Nam tại Trung-Phần chúng tôi thành lập đã được gần 30 năm nay với mục-đích duy nhất là thừa tiếp và truyền bá nền đạo-đức dân tộc; 30 năm hoạt-động, thành tích và cơ cấu tổ-chức, sự sinh hoạt của chúng tôi, đã là những bằng chứng cụ thể nhất để bảo đảm tinh cách thuần túy tôn-giáo của mình. Trên thực tế, Hội Phật-Giáo chúng tôi là một Hội Truyền-Giáo.

Đối với quốc nội cũng như quốc ngoại, Hội chúng tôi đương nhiên là một tổ-chức đại-diện cho hằng triệu Phật-tử Việt-Nam, và là một bộ phận quan trọng thiết yếu của nền Phật-Giáo trong nước; gia dĩ, Hội chúng tôi đặt dưới sự lãnh đạo tinh thần của Giáo-Hội Tăng-Già Việt-Nam, một cơ cấu truyền thống có tinh cách lịch-sử của Phật-Giáo, một tôn-giáo lâu xa và một thiết nhất đối với dân-tộc ta.

Trước đây vì hoàn cảnh tao loạn, dưới sự đàn áp của chế-độ thuộc địa, hàng Phật-tử Việt-Nam trong khi muốn xây dựng cho nền đạo-đức dân tộc, phải bị ghép vào một

hình thức hiệp hội, dầu muốn dầu không, sự hoạt-động của Phật-tử Việt-Nam bị kéo xuống ngang hàng những hiệp-hội cổ tánh cách thiên cận thế gian — điều đó đã làm cho giới Phật-tử Việt-Nam chịu rất nhiều thiệt thòi và làm trở ngại không ít cho sự hoạt-động của tôn-giáo như Phật-Giáo.

Ngày nay, dưới chính thể Cộng-Hòa, chúng tôi nghĩ rằng quyền tự-do tín ngưỡng được hiến-pháp mình định và bảo đảm, chúng tôi tin rằng những sự khó khăn ngày trước đối với một nền đạo-giáo dân tộc sẽ không còn lý do tồn tại.

Chúng tôi mong Ông Bộ-Trưởng thông cảm điều này để tránh cho Hội chúng tôi những thủ tục phiền phức của một hiệp hội, như phải báo cáo sinh hoạt hằng tháng v.v... mà một tôn-giáo không bao giờ có thể thực hiện được, để tránh cho Phật-tử Việt-Nam những sự thiệt thòi về quyền tự-do tín ngưỡng và để cho nền Tôn-giáo cổ truyền của dân tộc được dễ dàng phát triển.

Vi niệm năng đỡ nền đạo-đức dân tộc, chúng tôi mong Ông Bộ-Trưởng thông cảm điều này để dành cho chúng tôi những sự dễ dàng mà một tôn-giáo được hưởng trên lãnh-thổ của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Thay mặt hàng triệu Phật-tử Việt-Nam tại Trung-Phần, chúng tôi kính gửi đến Ông Bộ-Trưởng lòng tri ân nồng hậu của chúng tôi, ✕

**Nay Kính**

**HÒA-THƯỢNG THUYỀN-TÔN**

**Bản sao kính gửi :**

- Ban Quản-Trị Trung-Uơng Tông-Hội Phật-Giáo Việt-Nam « đề tường ».
- 16 Tỉnh-Hội P/G tại Trung-Phần « đề biết và thi hành ».

## TIN TỨC TRONG NƯỚC

### Lễ Phật-Đản

Lễ Phật-Đản mồng 8/4/ 2504 được tổ-chức hết sức long trọng và trang nghiêm khắp lãnh thổ Việt-Nam đúng như chương-trình của Ban Tổ-chức Trung-Uơng Phật-Giáo Việt-Nam ấn định, so với các năm trước có phần to lớn hơn về mọi phương diện, nhưng một việc đáng tiếc, là riêng tại tỉnh Quảng-Ngãi bị ngăn trở nên không tổ chức được cuộc lễ.

Sự cản trở này không những đã làm cho Phật-giáo-dở tại Quảng-Ngãi xúc động-hóa mà toàn thể Phật-tử khắp trong nước rất hoang mang vì đã làm tổn thương đến sự tự do tín-ngưỡng mà hiến-pháp đã minh định.

### Đại hội chuyên ban

Buổi họp 4 chuyên ban, đã cử hành trong 5 ngày 16, 17, 18, 19, và 20 tháng 4 âm lịch tại chùa An-Quang Chợ-lớn trụ sở Giáo-hội toàn quốc, dưới sự chứng minh của Hòa-thượng Thích-Tĩnh-Khiết và Hòa-thượng Thích-Khánh-Anh và trên 30 vị Thượng-tọa Đại-Đức đại-biểu của ba Giáo-hội Tăng-già Nam, Trung và Bắc phần tại miền Nam.

Bốn vị Trưởng ban Giáo-dục, Hoằng-pháp, Giám-luật và Nghi-lễ lần lượt đưa dự án lên Đại-hội.

Đại-hội tiếp tục thảo luận và tu chỉnh trong năm ngày, 4 dự án ấy được hợp-thức-hóa. Văn-phòng Giáo-hội toàn quốc sẽ công bố 4 dự án ấy đến các Giáo-hội các phần để thi hành.

### Thêm một nhà Kinh sách Phật ở Huế

Vì nhận thấy cần có một nơi phát hành Kinh Phật-giáo thuần túy và những pháp khí giá trị nên Sư Bà Diệu-Không đã đứng ra lập một nhà kinh sách lấy hiệu là **nhà sách Hoa-Đàm** đặt tại số 66 Chi-Lãng Huế, kế tiếp một bên với tòa soạn Liên-Hoa.

Nhà sách Hoa-Đàm đã mở cửa trên một tháng các đạo-hữu các Khuôn-hội và Phật-tử xa gần rất hoan-hỷ và lui tới xem thỉnh tấp nập.

Nếu Phật-tử ở xa muốn thỉnh kinh gì của nhà sách Hoa-Đàm xin đề tên Bà Nguyễn thị Cơ.

### Thêm một Trường Bồ-Đề miền Nam

Giáo-hội Tăng-già Nam-phần đã kiến thiết thêm một trường Trung-Học Bồ-Đề trong đất chùa Giác-Ngộ Sài-gòn, trường cất hai tầng rộng rãi mát mẻ sẽ khai giảng vào niên khóa tới (1960-1961).

## TIN THẾ - GIỚI

### « Chúng ta hãy cầu nguyện cho hòa-bình thế-giới. »

Đây là một biểu-ngữ do những Phật-tử mang đi diễn hành ở phía Nam và Trung-ương thành phố Calcutta. Bốn người mang một mẫu chùa nhỏ bằng gỗ trong đó có một tượng Phật. Những vị Sư Tây-Tạng đi trước và tụng kinh tán thán Đức Phật trong khi trăm hương nghi ngút tỏa lên, trống, kèn, đàn sáo, những nhạc cụ cổ truyền khác vang rền. Mỗi người trong lễ tước này đều cầm kinh trong tay, bọc bằng vải vàng. Lễ



nước này đã được cử hành kỷ niệm ngày xưa kia Đức Phật đã lên cõi Trời Đạo-Lợi để thuyết pháp cho mẹ Ngài nghe và sau đó trở về lại cõi đất này tại Sankissa.

### **Một tu-viện cho 1.500 Sa-môn :**

Ông Tsepon Shakabpa, đại diện của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma có tuyên bố rằng Đức Đạt-Lai Lạt-Ma dự định xây dựng một tu-viện ở Buxar thuộc tỉnh Bihar Ấn-Độ có thể chứa được 1.500 Sa-môn. Ông Shakabpa đến Agra để dự hội nghị Tây-Tạng có cho biết rằng Đức Đạt-Lai Lạt-Ma rất hy vọng xây dựng được nhiều tu-viện với sự giúp đỡ của Chính-phủ Ấn-Độ.

### **Lễ cầu siêu tại Cựu-Kim-Sơn.**

Tại ngôi chùa ở Cựu-Kim Sơn đã có một buổi lễ cầu siêu cho những vị Phật-tử tiền phong truyền bá Phật-Giáo tại Mỹ. Những Phật-tử từ mọi nơi ở Mỹ-Quốc đến Cựu-Kim-Sơn để dự hội-nghị ba ngày của các chùa ở Mỹ đều đến dự lễ cầu siêu này.

### **Lớp tu thuyền mới tại Luân-Đôn.**

Tỳ-kheo Dhammikò hiện ngụ tại Giáo-hội Tăng-già Anh-quốc đã mở một lớp tu thuyền hai tuần một lần, lớp tu thuyền này có tính cách thông thường chứ không giới hạn trong một lối thuyền riêng biệt nào. Ngoài lớp tu thuyền này tại trụ sở Hội Phật-Giáo ở Luân-Đôn còn một lớp Nam tu thuyền khác do Bà Robins phụ trách.

### **Trung Tâm Huấn Luyện Xã Hội cho Tăng-già.**

Đại Sư Đức tại Tích-Lan ông Bernad Guffer đã khánh thành Trung-Tâm Huấn-Luyện Xã-Hội tại Kolonnawa gần Colombo (thủ đô Tích-Lan)

Trong khi tuyên-bố khai-mạc Trung Tâm Huấn-Luyện này, ông Guffer đã tỏ hy vọng rằng Trung Tâm này sẽ giúp ích nhiều cho những vị tỳ kheo theo đuổi công tác xã-hội. Ông nói thêm rằng sự giúp đỡ của tổ-chức Văn-Hóa Á-châu đã được đem dùng một mục đích cao quý.

### **Những buổi giảng về Đại-thừa Phật-Giáo tại Luân-Đôn.**

Bác-Sĩ Jaini đã từ chức tại Ấn-Độ và nay thành ra một giảng viên thường xuyên về tiếng Pa-li và Sanscrit (Bắc-phạn) tại Á-đông Học-Đường ở Luân-Đôn. Ông đã bắt đầu giảng tại Hội Phật-giáo Luân-Đôn về những nguyên tắc căn bản của Đại-thừa Phật-giáo. Hội Phật-giáo đã loan báo : « Chúng tôi khuyến mọi thích gia nên đem số ghi chép, bởi vì đây là những bài giảng của một giảng viên am-tường văn để nói ra cho những vị tu-học Phật giáo chọn chính. »

### **Phật Pháp tại Úc-đại-Lợi.**

Hai hội viên của Hội Phật-Học New South Wales ở Úc-đại-Lợi ông C. Knight và ông N. Moschner đã khởi hành từ Sydney đến Bathurst, xa gần 100 cây số, để giảng Phật-giáo cho một nhóm Phật-tử do ông H.W. May cầm đầu. Rất đông người đã đến dự thỉnh và bài giảng đã được soạn kỹ lưỡng để in vào báo chí địa-phương ngõ hầu đem lại lợi ích cho những người đã không thể đến dự.